

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐÀO THỊ KIỀU VÂN

**ĐỊNH TỘI DANH TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH ĐỒNG NAI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

ĐÀO THỊ KIỀU VÂN

**ĐỊNH TỘI DANH TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH ĐỒNG NAI**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự

Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. TRẦN THỊ QUANG VINH**

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỊNH TỘI DANH TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI.....	6
1.1. Khái niệm và các trường hợp phạm nhiều tội	6
1.2. Khái niệm, ý nghĩa của định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội ..	14
Chương 2: THỰC TIỄN ĐỊNH TỘI DANH TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI TẠI TỈNH ĐỒNG NAI.....	23
2.1. Khái quát hoạt động định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội tại tỉnh Đồng Nai	23
2.2. Thực tiễn định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội thực tế tại tỉnh Đồng Nai	29
2.3. Thực tiễn định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội tư tưởng tại tỉnh Đồng Nai	45
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ĐỊNH TỘI DANH ĐÚNG TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI	58
3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện Bộ luật Hình sự và nâng cao hiệu quả định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội	58
3.2. Kiến nghị hoàn thiện Bộ luật Hình sự quy định về định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội	64
3.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội ..	66
KẾT LUẬN	72
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	75

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật Hình sự
BLTTHS	: Bộ luật Tố tụng hình sự
CTTP	: Cấu thành tội phạm
HĐXX	: Hội đồng xét xử
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	: Viện kiểm sát nhân dân tối cao
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Thống kê số liệu xét xử án hình sự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	23
Bảng 2.2: Thống kê số bị cáo phạm nhiều tội phổ biến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ...	27
Bảng 2.3: Thống kê kết quả xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh đối với Tòa án nhân dân cấp huyện của tỉnh Đồng Nai	43

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay, việc nghiên cứu để làm sáng tỏ về mặt lý luận chế định nhiều tội phạm của Luật Hình sự Việt Nam có ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Chế định nhiều (đa) tội phạm là một vấn đề rất phức tạp trong khoa học luật hình sự cũng như trong thực tiễn hoạt động áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, Bộ luật hình sự hiện hành vẫn chưa ghi nhận chính thức định nghĩa pháp lý của khái niệm nhiều tội phạm. Việc xác định trường hợp nhiều tội phạm làm nảy sinh một loạt vấn đề pháp lý có tính chất đặc biệt ở tất cả các giai đoạn tố tụng của vụ án. Trong số những vấn đề đó thì việc định tội danh đối với trường hợp nhiều tội phạm có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Trường hợp phạm nhiều tội với tính chất là một dạng của chế định nhiều (đa) tội phạm giữ một vị trí quan trọng trong lý luận Luật Hình sự và thực tiễn xét xử ở nước ta. Từ trước đến vấn đề phạm nhiều tội cũng chưa được sự điều chỉnh chính thức bằng một quy phạm riêng biệt nào trong Phần chung của BLHS Việt Nam mà thuật ngữ “phạm nhiều tội” chỉ được đề cập trong tên gọi của một điều luật “Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội” tại BLHS năm 1985 trước đây và Điều 50 BLHS năm 1999 (hiện hành). Trong lý luận Luật Hình sự Việt Nam từ trước đến nay chưa được quan tâm một cách thỏa đáng, chưa có một công trình nghiên cứu nào đưa ra một cách chính thức, đầy đủ khái niệm phạm nhiều tội. Điều đó đương nhiên ảnh hưởng đến quan điểm, nhận thức trong hoạt động lập pháp và thực tiễn hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Chính vì vậy, việc nghiên cứu để đảm bảo nhận thức thống nhất, đúng đắn trong khoa học và thực tiễn bản chất pháp lý của trường hợp này để từ đó xác định đường lối xử lý phù hợp có tác dụng tích cực trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trên thực tế, người thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp phạm nhiều tội cũng có nhiều dạng khác nhau. Chủ thể có lỗi khi thực hiện tội phạm có thể bằng một hành vi hoặc nhiều hành vi xâm phạm đến nhiều khách thể khác nhau được luật hình sự bảo vệ. Việc nhận diện trong trường hợp phạm nhiều tội mà các tội phạm

khác nhau lại liên quan mật thiết với nhau trong thực tế còn nhiều vấn đề cần đặt ra để giải quyết vì không phải khi chủ thể thực hiện nhiều hành vi mà được BLHS quy định thì đều là phạm nhiều tội và ngược lại không phải thực hiện một hành vi là thuộc trường hợp phạm tội đơn lẻ. Việc giải quyết đúng đắn vấn đề đó về mặt nhận thức lý luận và nhận thức lập pháp sẽ có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử.

Tỉnh Đồng Nai là một trong những điểm nóng của vùng Đông Nam Bộ về tội phạm nói chung, cũng như phạm nhiều tội nói riêng. Tình hình tội phạm trên địa bàn luôn diễn biến phức tạp, tình hình phạm nhiều tội, phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm gia tăng đối với một số tội, nhóm tội trong những năm gần đây và ngày càng trở nên phổ biến hơn. Qua đánh giá kết quả thực tiễn hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thời gian qua cho thấy việc giải quyết các vụ án trong trường hợp phạm nhiều tội còn gặp khó khăn và có nhiều sai sót xảy ra, đặc biệt là vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt.

Trước sự đòi hỏi mới của cuộc đấu tranh phòng, ngừa tội phạm, việc nghiên cứu chế định phạm nhiều tội trong Luật Hình sự Việt Nam hiện nay có ý nghĩa quan trọng không chỉ về mặt lý luận mà còn là yêu cầu của thực tiễn áp dụng nhằm đưa ra những giải pháp hoàn thiện chế định này trong BLHS Việt Nam. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài: **“Định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai”** có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn đối với ngành TAND nói riêng và các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung trong tình hình hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội là vấn đề khó trong thực tiễn áp dụng pháp luật và chưa được nghiên cứu nhiều. Trong khoa học luật hình sự tuy đã có một số bài viết về vấn đề này nhưng chủ yếu vẫn ở mức độ một số bài viết trên các tạp chí khoa học nghiên cứu về một vài khía cạnh của vấn đề như “Về một số trường hợp phạm nhiều tội” của TS. Nguyễn Ngọc Hoà (Tạp chí Tòa án nhân dân số 2/1984); “Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội” của PGS.

TS Võ Khánh Vinh và Nguyễn Văn Hoàn (Tập chí Luật học số 3/1996); “Trường hợp phạm nhiều luật trong luật hình sự Việt Nam” của PGS.TS Nguyễn Ngọc Hoà (Tập chí Luật học năm 2003) v.v... Một số ít công trình đã viết thành sách: Nghiên cứu về chế định đa (nhiều) tội phạm (trong sách Các nghiên cứu chuyên khảo của phần chung luật hình sự tập IV, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, năm 2002) của TSKH Lê Cẩm; Sách chuyên khảo sau đại học, Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự, phần chung, chương IV Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2005 của TSKH.PGS Lê Cẩm; Nhiều tội phạm (chương XV, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam); Lý luận chung về định tội danh của GS.TS Võ Khánh Vinh, Nxb Khoa học xã hội, năm 2013; “Chế định phạm nhiều tội trong luật hình sự Việt Nam” của tác giả Lê Văn Đệ. Một số Luận án, Luận văn nghiên cứu của một số tác giả về chế định nhiều tội phạm như: “Quyết định hình phạt trong những trường hợp đặc biệt” của tác giả Đặng Thị Thanh v.v...

Bằng việc phân tích khoa học dưới góc độ luật hình sự và tổ tụng hình sự, các tác giả đã đưa ra những lý luận cơ bản về định tội danh và quyết định hình phạt đối với các loại tội phạm trong đó có trường hợp phạm nhiều tội. Tuy nhiên, định tội danh và quyết định hình phạt nói chung và trong trường hợp phạm nhiều tội nói riêng luôn là vấn đề rộng lớn, phức tạp và đa dạng, hiện vẫn còn được tranh luận trên diễn đàn pháp lý.

Qua quá trình tham khảo các công trình nghiên cứu khoa học nói trên, cũng như từ thực tiễn áp dụng pháp luật, chúng tôi thấy rằng để thực hiện việc định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội được chính xác, cụ thể, các nhà nghiên cứu luật học cần nghiên cứu sâu hơn, toàn diện và có hệ thống hơn; kết hợp hài hoà giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình nghiên cứu mới đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi của việc xây dựng, hoàn thiện và áp dụng luật hình sự về phạm nhiều tội. Bản thân đang công tác tại một cơ quan tiến hành tố tụng (TAND) nhận thấy thực tiễn áp dụng về chế định phạm nhiều tội trên địa bàn còn nhiều bất cập. Trên cơ sở các tài liệu khoa học, công trình, luận văn, luận án... đã tạo điều kiện cho tác giả tham khảo, kế thừa và tiếp tục nghiên cứu, đánh giá đúng thực trạng của việc định tội danh

trong trường hợp phạm nhiều tội, để từ đó hoàn thiện pháp luật và hướng dẫn áp dụng những quy định của luật hình sự về phạm nhiều tội được thống nhất.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục tiêu: Trên cơ sở phân tích, đánh giá những quy định của pháp luật hiện hành về định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội, thực tiễn áp dụng quy định các quy định này; làm sáng tỏ những vấn đề bất cập, vướng mắc để có kiến nghị hoàn thiện của pháp luật về phạm nhiều tội và góp phần nâng cao hiệu quả của định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn tập trung làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội như khái niệm và các trường hợp phạm nhiều tội, phân biệt trường hợp phạm nhiều tội với trường hợp phạm tội đơn lẻ; vấn đề định tội danh, khái niệm, ý nghĩa của định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội.

Luận văn tổng hợp và đánh giá thực tiễn định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội tại tỉnh Đồng Nai, làm sáng tỏ những bất cập, hạn chế và nguyên nhân.

Luận văn đưa ra kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật về phạm nhiều tội và một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định đó trên thực tế.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài này là quy định của pháp luật và thực tiễn định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội

Luận văn nghiên cứu đề tài dưới góc độ Luật Hình sự, gắn với thực tiễn áp dụng pháp luật tại tỉnh Đồng Nai trong phạm vi thời gian 05 năm (từ năm 2012 – 2016).

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài này được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin với phép biện chứng duy vật. Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp phân tích, tổng hợp, giải thích quy phạm pháp luật; phương pháp thống kê số liệu; phương pháp so sánh pháp luật để đối chiếu với các

quy định của pháp luật với nhau nhằm chỉ ra những điểm mới trong quá trình nghiên cứu.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

Trong công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay, việc nghiên cứu để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn về định tội danh nói chung và định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội nói riêng luôn là một trong những hướng cơ bản, đồng thời cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của khoa học luật hình sự. Kết quả nghiên cứu của luận văn có ý nghĩa quan trọng về phương diện lý luận và thực tiễn, vì đây là một công trình đầu tiên nghiên cứu chuyên sâu có hệ thống ở cấp độ một luận văn thạc sĩ luật học về định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội từ thực tiễn áp dụng pháp luật trên địa bàn một địa phương mà cụ thể là tỉnh Đồng Nai.

- Về mặt lý luận: Với những nội dung của Luận văn đưa ra sẽ góp phần làm phong phú thêm lý luận về chế định phạm nhiều tội, đồng thời nâng cao nhận thức về chế định phạm nhiều tội trong luật hình sự Việt Nam.

- Về mặt thực tiễn: Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội.

Chương 2: Thực tiễn định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội tại tỉnh Đồng Nai.

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật hình sự và giải pháp bảo đảm định tội danh đúng trong trường hợp phạm nhiều tội.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỊNH TỘI DANH TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI

1.1. Khái niệm và các trường hợp phạm nhiều tội

1.1.1. Khái niệm phạm nhiều tội

Trong thực tế, một người có thể thực hiện tội phạm đơn lẻ hoặc nhiều tội phạm. Với tư cách là một chế định của Luật Hình sự Việt Nam, nhiều tội phạm cần bao hàm tất cả các hình thức (trường hợp) phạm tội khi một người thực hiện một số tội phạm trong điều kiện nếu người đó chưa được xóa án tích về các tội phạm đó và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong việc thực hiện nhiều tội phạm, có trường hợp một người thực hiện nhiều tội phạm khác nhau nhưng tất cả các tội phạm đó chưa được xét xử lần nào, nay đưa ra xét xử cùng một lần. Nhưng cũng có trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều tội phạm khác nhau nhưng khi đang chấp hành một bản án lại bị đưa ra xét xử về một tội phạm khác.

Vậy phạm nhiều tội là gì, khi nào được coi là phạm nhiều tội, điều đó cũng cần có những tiêu chí nhất định để phân biệt.

Theo Từ điển giải thích thuật ngữ luật học đã xây dựng khái niệm phạm nhiều tội như sau: “*Chủ thể có nhiều hành vi phạm tội độc lập hoặc chỉ có một hành vi mà hành vi đã thực hiện đó thỏa mãn cấu thành tội phạm khác nhau thì phạm nhiều tội*” [39, tr. 45].

Dưới góc độ lý luận luật hình sự về khái niệm phạm nhiều tội, trong lịch sử khoa học pháp lý nước ta, từ năm 1943 trong cuốn “Đại Nam hình pháp” của tiến sỹ Lê Trung Chánh đã đưa ra khái niệm phạm nhiều tội mà ông gọi là “Luỹ phạm” và phân biệt với khái niệm tái phạm như sau: “Luỹ phạm là phạm một trong một thời gian nhiều tội, mà trong thời gian ấy chưa có án nào đã chung thẩm đã thành bất canh cải rồi. Còn tái phạm là phạm tội đã có án chung thẩm rồi, đã thành bất canh cải rồi mà lại phạm một tội nữa” [7, tr. 202]. Lý do cần phân biệt tái phạm với luỹ phạm, bởi vì một người đã phạm tội, đã có án chung thẩm rồi, thế mà không sợ, lại

còn phạm tội nữa, vậy pháp luật phải trừng trị kẻ bị tội tái phạm nặng hơn kẻ bị tội lần đầu, vì những kẻ bị tội lần đầu chưa có lệnh toà án quở trách và trừng phạt.

Vào đầu những năm 80, lần đầu tiên trong các sách báo pháp lý của nước ta xuất hiện danh từ “Phạm nhiều tội” và khái niệm “Phạm nhiều tội”. Theo cuốn Hình luật của Trường Cao đẳng Kiểm sát xuất bản cho rằng: “Phạm nhiều tội là trường hợp một người phạm nhiều tội được nêu trong các điều luật khác nhau, tức không cùng tội danh, mà trong thời gian phạm tội ấy họ chưa bị xét xử và bị kết án một tội nào trong số các tội ấy” [33, tr. 302].

BLHS năm 1985 cũng như BLHS năm 1999 chưa quy định khái niệm phạm nhiều tội. Điều 50 BLHS 1999 chỉ mới dừng lại ở việc quy định quy tắc quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội. Trong Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam của các cơ sở đào tạo luật dù dành dung lượng rất ít nhưng cũng đã đưa ra khái niệm về phạm nhiều tội. Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam của Trường Đại học Luật Hà Nội đã đưa ra khái niệm về phạm nhiều tội như sau: *“Phạm nhiều tội là trường hợp người có nhiều hành vi phạm tội hoặc chỉ có một hành vi phạm tội nhưng thỏa mãn nhiều cấu thành tội phạm khác nhau và bị đưa ra xét xử cùng một lần về các tội phạm đó”* [35, tr. 285]. Trong tài liệu chuyên khảo “Lý luận chung về định tội danh” do GS.TS Võ Khánh Vinh chủ biên của Học viện Khoa học Xã hội thì *“phạm nhiều tội được hiểu là trường hợp các hành vi của người phạm tội do một người thực hiện được quy định không những trong các điều luật khác nhau mà còn được quy định trong các khoản các khác nhau thuộc phần các tội phạm của BLHS và người phạm tội chưa bị xét xử về tội nào trong số tội ấy”* [41, tr. 211]. Dù diễn đạt khác nhau nhưng các nhà nghiên cứu đều thống nhất xác định các dấu hiệu cơ bản của “phạm nhiều tội” là:

- Phạm nhiều tội là trường hợp một người có lỗi trong việc thực hiện hai hoặc nhiều tội phạm;
- Các hành vi phạm tội được quy định trong Phần các tội phạm cụ thể của BLHS;
- Người phạm tội chưa bị xét xử về tội phạm nào trong số các tội phạm đó.

Trong lý luận Luật hình sự, người ta phân biệt hai trường hợp phạm nhiều tội: phạm nhiều tội thực tế và phạm nhiều tội tư tưởng (còn gọi là tổng hợp trừu tượng).

1.1.2. Các trường hợp của phạm nhiều tội

Để bảo đảm chính xác trong việc định tội danh trường hợp phạm nhiều tội, trong lý luận hình sự và lý luận định tội danh, người ta phân chia phạm nhiều tội thành hai dạng là phạm nhiều tội tổng hợp thực tế và phạm nhiều tội tư tưởng (tổng hợp trừu tượng). Việc nhận thức đúng các trường hợp này là cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu định tội danh đối với “phạm nhiều tội”.

Phạm nhiều tội thực tế: là trường hợp khi một người thực hiện nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội độc lập khác nhau và cách nhau một khoảng thời gian nhất định và những hành vi đó cấu thành hai hoặc nhiều tội phạm được quy định trong các điều luật khác nhau hoặc trong những khoản khác nhau của điều luật thuộc phần các tội phạm BLHS [41, tr. 211].

Như vậy, đặc trưng của phạm nhiều tội thực tế tập trung ở các dấu hiệu sau:

- Thực hiện nhiều hành vi có khoảng cách về thời gian. Trong trường hợp phạm nhiều tội tổng hợp thực tế các tội phạm được hiện trong những thời gian khác nhau. Khoảng cách thời gian giữa việc thực hiện các tội phạm đó có thể là dài hoặc không đáng kể.
- Các hành vi đó cấu thành hai hoặc nhiều tội phạm được quy định trong phần các tội phạm BLHS.

Trong tài liệu pháp lý hình sự có sự phân biệt hai trường hợp phạm nhiều tội thực tế là 1) trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm tội, mỗi hành vi cấu thành một tội độc lập và không liên quan với nhau; 2) trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm, mỗi hành vi tuy cấu thành các tội phạm khác nhau nhưng chúng có liên quan với nhau [36, tr. 357].

Trường hợp phạm nhiều tội thực tế mà các hành vi phạm tội độc lập, không có quan hệ với nhau. Đây là trường hợp, ở các thời điểm khác nhau, người phạm tội thực hiện từng tội phạm độc lập, không liên quan với nhau. Ví dụ: người phạm tội ở các thời điểm khác nhau đã phạm tội trộm cắp tài sản và tội cướp giật tài sản. Do

tính độc lập và không liên quan nên việc xác định phạm nhiều tội trong trường hợp đầu tiên khá dễ dàng và thường thống nhất trong định tội danh.

Trường hợp phạm nhiều tội mà các tội phạm khác nhau lại liên quan mật thiết với nhau. Mỗi liên hệ mật thiết giữa các tội phạm trong trường hợp này thường thể hiện ở các dạng sau:

- Tội phạm này là hành vi chuẩn bị phạm tội của tội kia. Ví dụ: người phạm tội mua vũ khí quân dụng để giết người và người đó đã thực hiện hành vi giết người. Đây là trường hợp phạm nhiều tội, trong đó hành vi mua vũ khí quân dụng là hành vi chuẩn bị phạm tội giết người. Dù các hành vi phạm tội nêu trên có mối liên hệ mật thiết nhưng chúng đều thỏa mãn dấu hiệu nội dung của tội phạm (nguy hiểm đáng kể cho xã hội) và dấu hiệu hình thức của tội phạm (thỏa mãn các dấu hiệu pháp lý của một tội phạm) nên đây là trường hợp phạm nhiều tội;

- Tội phạm này là điều kiện để thực hiện tội phạm kia. Ví dụ, hành vi sử dụng vũ khí trái phép giết người. Đây là trường hợp phạm nhiều tội thực tế khi cả hai hành vi nêu trên đều nguy hiểm đáng kể cho xã hội và vi phạm quy định của PLHS

- Tội phạm này là phương thức che dấu một tội phạm kia. Ví dụ: ngay sau khi hiếp dâm thì giết người để bịt đầu mối, che dấu hành vi hiếp dâm. Đây cũng là trường hợp phạm nhiều tội thực tế;

- Tội phạm này là hành vi tiếp theo của một tội phạm khác. Ví dụ: người phạm tội mua bán trái phép chất ma túy đã có hành vi rửa tiền. Hành vi phạm tội rửa tiền để hợp thức hóa tài sản do phạm tội mà có. Bằng cách ấy, người phạm tội đã che dấu tội mua bán trái phép chất ma túy.

Tuy nhiên, việc xác định có phạm nhiều tội hay không đối với trường hợp thứ hai dựa trên lý luận về tội phạm và có nét đặc thù riêng. Theo lý luận, tội phạm là hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội, có lỗi, trái pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt. Do vậy, đối với trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành vi được quy định ở các điều luật khác nhau hoặc các khoản khác nhau của một điều luật của BLHS (thỏa mãn dấu hiệu hình thức của tội phạm) và chúng đều nguy hiểm đáng kể cho xã hội (thỏa mãn dấu hiệu nội dung) thì thuộc trường hợp phạm nhiều tội. Nếu

trong số các hành vi được thực hiện tuy được quy định trong BLHS nhưng xét về dấu hiệu nội dung thì có hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội, có hành vi nguy hiểm không đáng kể cho xã hội thì không phải là phạm nhiều tội. Trong trường hợp này, lý luận coi đây là trường hợp phạm tội đơn lẻ về tội phạm có hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội. Hành vi nguy hiểm không đáng kể cho xã hội được coi là tình tiết của vụ án. Do vậy, đối với phạm nhiều tội thực tế thuộc trường hợp thứ hai, việc xác định có phải là phạm nhiều tội hay là phạm một tội đơn lẻ ngoài việc xác định dấu hiệu hình thức của tội phạm thì còn phải xác định dấu hiệu nội dung của tội phạm – các hành vi phải đều nguy hiểm đáng kể cho xã hội.

Phạm nhiều tội tư tưởng (tổng hợp trừu tượng): là trường hợp khi một người thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội và hành vi đó cấu thành hai hoặc nhiều tội phạm được quy định trong các điều luật khác nhau hoặc trong những khoản khác nhau của điều luật thuộc phần các tội phạm của BLHS [41.tr. 213].

Đặc trưng của phạm nhiều tội tư tưởng là bằng một hành vi đơn nhất, người phạm tội đã thực hiện nhiều tội phạm được quy định trong các điều luật khác nhau hoặc các khoản khác nhau của một điều luật thuộc Phần các tội phạm BLHS. Đây là cơ sở để phân biệt với các trường hợp phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm. GS.TS Võ Khánh Vinh đã chỉ ra rằng: “Sự tồn tại phạm nhiều tội tư tưởng là do một hành vi nguy hiểm cho xã hội có khả năng gây ra một số hậu quả có hại BLHS [41, tr. 213]. Ví dụ: bằng hành vi dùng vũ lực, người phạm tội đã cướp tài sản và cố ý gây chết người. Trong trường hợp này, hành vi dùng vũ lực đó cấu thành hai tội cướp tài sản và tội giết người.

Theo GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa, một hành vi phạm tội cấu thành nhiều tội còn có thể xảy ra trong các trường hợp sau:

- Một hành vi phạm tội vừa thỏa mãn một cấu thành tội phạm cụ thể này, vừa thỏa mãn một cấu thành của hành vi đồng phạm của một tội cụ thể khác. Ví dụ: Một cán bộ Hải Quan đã nhận hối lộ của đối tượng buôn lậu để cho họ đưa hàng hóa, tiền tệ qua biên giới trái phép. Trong trường hợp này, hành vi phạm tội của nhân viên Hải Quan vừa thỏa mãn dấu hiệu của cấu thành Tội “nhận hối lộ” theo Điều

279 BLHS năm 1999, vừa thỏa mãn dấu hiệu của hành vi giúp sức trong Tội “buôn lậu” theo Điều 153 BLHS năm 1999 [13, tr. 77].

- Một hành vi phạm tội đồng thời thỏa mãn hai cấu thành của hai hành vi đồng phạm của hai tội khác nhau. Ví dụ: Một người cố ý cho người khác mượn súng mà mình biết rõ là để sử dụng nhằm chiếm đoạt tài sản bằng cách tước đoạt tính mạng của chủ tài sản. Trong trường hợp này, hành vi phạm tội của người cho mượn súng đồng thời thỏa mãn các dấu hiệu của hành vi đồng phạm Tội “giết người” (theo Điều 93 BLHS năm 1999) và của hành vi đồng phạm Tội “cướp tài sản” (Điều 133 BLHS năm 1999) [13, tr. 77].

Như vậy, trong trường hợp phạm nhiều tội tổng hợp trừu tượng, hành vi phạm tội của bị cáo có thể đồng thời là những hành vi thực hành của hai tội khác nhau, có thể vừa là hành vi thực hành của tội này, vừa là hành vi đồng phạm của tội khác, hoặc có thể đồng thời là hành vi đồng phạm của hai tội khác nhau.

1.1.3. Phân biệt phạm nhiều tội với các trường hợp khác

Trong lý luận luật hình sự nước ta khái niệm nhiều tội phạm hay gọi cách khác là đa tội phạm chưa được làm sáng tỏ. Dưới góc độ khoa học luật hình sự, các trường hợp phạm nhiều tội, phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm là các hình thức biểu hiện của trường hợp nhiều tội phạm. Đây là những tình tiết có nhiều dấu hiệu giống nhau, nếu không phân biệt được sẽ dẫn đến việc hiểu sai và áp dụng sai. Do vậy, muốn định tội danh chính xác đối với từng trường hợp cụ thể cần phải chú ý tới các dấu hiệu cơ bản nhất của từng trường hợp.

**** Phân biệt phạm nhiều tội với các trường hợp phạm một tội có quan hệ cấu thành tội phạm đặc biệt***

Trên thực tế thì một hành vi phạm tội đã thỏa mãn một cấu thành tội phạm thì cũng đồng thời thỏa mãn cấu thành tội phạm kia. Thế nhưng, trong trường hợp này, hành vi phạm tội tuy thỏa mãn nhiều cấu thành tội phạm nhưng không thể áp dụng tất cả các điều luật quy định các cấu thành tội phạm đó mà chỉ được phép chọn một trong số đó để áp dụng. Cụ thể:

- Quan hệ giữa trường hợp bình thường với trường hợp tăng nặng hoặc giảm nhẹ. Ví dụ: Quan hệ giữa Điều 93 (Tội giết người) với Điều 94 (Tội giết con mới đẻ), với Điều 95 (Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh), với Điều 96 (Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng) là quan hệ giữa tội giết người bình thường và tội giết người giảm nhẹ; quan hệ giữa Điều 111 (Tội hiếp dâm) với Điều 112 (Tội hiếp dâm trẻ em) là quan hệ giữa tội hiếp dâm bình thường và tội hiếp dâm tăng nặng... Trong trường hợp này, khi hành vi thoả mãn CTTP của tội tăng nặng hoặc giảm nhẹ thì cũng thoả mãn CTTP của tội bình thường nhưng chỉ được chọn CTTP của tội tăng nặng hoặc giảm nhẹ để áp dụng [14, tr. 86].

- Quan hệ giữa trường hợp chung với trường hợp riêng. Ví dụ: Quan hệ giữa Điều 98 (Tội vô ý làm chết người) với Điều 202 (Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ - trong trường hợp hậu quả làm chết người) là quan hệ giữa tội vô ý làm chết người chung và tội vô ý làm chết người trong lĩnh vực cụ thể - lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ. Trong trường hợp này, khi hành vi thoả mãn CTTP trong lĩnh vực cụ thể thì cũng thoả mãn CTTP chung nhưng chỉ được chọn CTTP trong lĩnh vực cụ thể để áp dụng [14, tr. 86].

- Quan hệ thu hút, ví dụ: Quan hệ giữa Điều 103 (Tội đe dọa giết người) với Điều 133 (Tội cướp tài sản) là quan hệ giữa CTTP bị thu hút và CTTP thu hút. Trong trường hợp này, khi hành vi thoả mãn CTTP tội cướp tài sản - trong trường hợp đe dọa dùng vũ lực tước đoạt tính mạng thì cũng thoả mãn CTTP tội đe dọa giết người nhưng chỉ được chọn CTTP tội cướp tài sản (CTTP thu hút) để áp dụng [14, tr. 87].

- Quan hệ giữa CTTP của một tội với CTTP tăng nặng của một tội khác. Đây là trường hợp nhà làm luật đã dùng dấu hiệu định tội của một tội quy định thành dấu hiệu định khung tăng nặng cho tội phạm khác. Ví dụ: Dấu hiệu định tội của Tội buôn lậu qua biên giới (Điều 153) được quy định là dấu hiệu định khung tăng nặng của Tội mua bán trái phép chất ma túy (khoản 2 Điều 194) nên trong trường hợp này, khi hành vi thoả mãn CTTP tăng nặng thì cũng thoả mãn CTTP của tội còn lại nhưng chỉ được chọn CTTP tăng nặng để áp dụng [14, tr. 87].

- Quan hệ giữa CTTP của hành vi đồng phạm với CTTP của tội độc lập khác. Đây là trường hợp nhà làm luật đã quy định hành vi đồng phạm nhất định thành tội danh riêng. Ví dụ: Hành vi giúp sức đưa, nhận hối lộ (các Điều 279, 289 trong mối liên hệ với Điều 20) được quy định thành Tội làm môi giới hối lộ (Điều 290); hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 199 trong mối liên hệ với Điều 20) được quy định thành Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197)... Trong trường hợp này, khi hành vi thoả mãn CTTP của tội độc lập thì cũng thoả mãn CTTP của hành vi đồng phạm nhưng chỉ được chọn CTTP của tội độc lập để áp dụng [14, tr. 87].

****Phân biệt phạm nhiều tội thực tế với phạm tội nhiều lần***

Cũng như phạm nhiều tội, BLHS cũng chưa có khái niệm về phạm tội nhiều lần. Về mặt lý luận, dưới góc độ khoa học luật hình sự các nhà nghiên cứu đã đưa ra khái niệm về *phạm tội nhiều lần là trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội từ hai lần trở lên mà những hành vi ấy được quy định tại cùng một điều luật (hoặc tại cùng một khoản của Điều) tương ứng trong Phần các tội phạm của BLHS, đồng thời đối với những tội ấy vẫn còn thời hiệu truy cứu TNHS và người phạm tội chưa bị xét xử.*

Hành vi phạm tội trong trường hợp này là sự lặp lại tội đã phạm trước đó nên có mức độ nguy hiểm cao hơn bình thường. Sự giống nhau giữa phạm nhiều tội thực tế với phạm nhiều lần là trong cả hai trường hợp này, người phạm tội đã thực hiện nhiều hành vi phạm tội trong các khoảng thời gian khác nhau. Sự khác biệt giữa hai trường hợp này chính là ở chỗ trong phạm nhiều tội, các hành vi phạm tội cấu thành các tội phạm khác nhau, còn trong phạm tội nhiều lần thì các hành vi phạm tội chỉ phạm một tội được quy định tại một điều luật. Như vậy, phạm tội nhiều lần thì những hành vi phạm tội chỉ cấu thành một tội còn với trường hợp phạm nhiều tội thì có thể một hành vi hoặc nhiều hành vi nhưng cấu thành hai tội trở lên và các khách thể bị xâm hại không phải là một khách thể như phạm tội nhiều lần. Đây là đặc điểm rõ ràng nhất để phân biệt đối với hai trường hợp này.

Sự phân biệt này có ý nghĩa quan trọng vì đóng vai trò là cơ sở định tội danh được chính xác, bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bảo đảm công bằng xã hội.

****Phân biệt phạm nhiều tội với trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm***

Tái phạm, tái phạm nguy hiểm là những trường hợp một người phạm tội mới trong thời gian người phạm tội đó chưa được xóa án tích. Trường hợp phạm nhiều tội cũng giống với trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm ở chỗ người phạm tội đều có hơn một lần thực hiện các tội phạm nhưng lại có những điểm khác biệt như:

- *Thứ nhất*, Tái phạm và tái phạm nguy hiểm được nhà làm luật ghi nhận về mặt lập pháp là một chế định độc lập tại (Điều 49 BLHS năm 1999), là tình tiết tăng nặng TNHS chung, vừa là tình tiết tăng nặng định khung thì đối với phạm nhiều tội là trường hợp được đặt ra để cơ quan xét xử tổng hợp hình phạt đối với nhiều tội mà người phạm tội đã gây ra.

- *Thứ hai*, nếu như ở trường hợp phạm nhiều tội, người phạm tội có thể thực hiện nhiều hành vi phạm tội cụ thể, hoặc cũng có thể là một hành vi nhưng các hành vi đó có dấu hiệu của nhiều tội phạm thì ở trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm người phạm tội phải luôn thực hiện hành vi phạm tội ở nhiều thời gian khác nhau.

- *Thứ ba*, người phạm tội trong trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm đã bị kết án về tội phạm trước, chưa được xóa án tích lại phạm tội mới còn ở trường hợp phạm nhiều tội thì người phạm tội chưa bị xét xử về tội nào trong các tội phạm mà họ đã gây ra.

- *Thứ tư*, trong trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm đặt ra dấu hiệu hình thức lỗi của người phạm tội còn trường hợp phạm nhiều tội thì không đặt ra dấu hiệu này.

1.2. Khái niệm, ý nghĩa của định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội

1.2.1. Khái niệm của định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội

Trong lý luận hình sự, việc áp dụng các quy phạm pháp luật được hiểu là một quá trình đa dạng và phức tạp được tiến hành qua các giai đoạn nhất định như: Giải thích pháp luật hình sự, xác định hiệu lực của pháp luật về không gian và thời gian,

định tội danh, quyết định hình phạt, miễn trách nhiệm hình sự, hình phạt... Trong đó, xác định tội danh (sau đây gọi tắt là định tội) là một vấn đề hết sức quan trọng, là giai đoạn cơ bản trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự. Tất cả những việc làm trước đó (từ khởi tố, điều tra, truy tố) suy cho cùng là nhằm phục vụ cho việc định tội danh được chính xác.

Định tội danh đúng có ý nghĩa quyết định trong vụ án hình sự, bởi vì nó là cơ sở cần thiết đầu tiên cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội. Trên cơ sở xác định bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội gì, quy định tại điểm, khoản, điều nào của BLHS, Hội đồng xét xử sẽ quyết định một hình phạt phù hợp đối với hành vi phạm tội đó. Vì thế, định tội danh được xem là tiền đề, điều kiện cho việc quyết định hình phạt đúng đắn, góp phần mang lại hiệu quả trong đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Định tội danh là việc và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác giữa các dấu hiệu của hành vi phạm tội cụ thể đã được thực hiện với các dấu hiệu của cấu thành tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự [41, tr. 213].

Trong lý luận cũng như trong thực tiễn, khái niệm định tội danh được hiểu trước tiên là một quá trình logic nhất định, là hoạt động xác nhận sự phù hợp giữa trường hợp phạm tội cụ thể đang xem xét với các dấu hiệu của một cấu thành tội phạm trong quy phạm pháp luật thuộc phần các tội phạm của BLHS. Mặt khác, định tội danh là hoạt động do cán bộ pháp lý tiến hành, họ là những cán bộ, điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, Hội thẩm nhân dân thực hiện công tác điều tra, truy tố và xét xử. Các chủ thể này đều được trang bị những kiến thức nhất định về mặt thế giới quan, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác của mình. Để việc định tội danh đạt được chân lý khách quan, cần phải nhận thức bao quát đầy đủ, chính xác, khách quan 3 loại yếu tố: Xác định đầy đủ, chính xác tình tiết thực tế khách quan của vụ án; nhận thức đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự liên quan đến tội phạm đã thực hiện; nhận thức đầy đủ về mối liên hệ giữa các tình tiết thực tế của hành vi và dấu hiệu của CTTP quy định trong pháp luật hình sự. Như vậy, định tội danh là việc xác định và ghi nhận về mặt pháp lý sự phù hợp chính xác

giữa các dấu hiệu của hành vi tội phạm đã được quy định trong quy phạm pháp luật hình sự [41, tr. 10].

Định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội theo lẽ chung cũng là việc xác định sự phù hợp về pháp lý giữa hành vi phạm tội thực tế với dấu hiệu cấu thành tội phạm. Định tội danh đối với phạm nhiều tội cũng là hoạt động định tội nên chịu sự cho phối của tất cả yêu cầu của định tội danh nói chung nghĩa là phải xác lập sự phù hợp pháp lý giữa hành vi phạm tội với dấu hiệu CTTP thông qua các quá trình: xác định sự thật khách quan, nhận thức đúng quy định của PLHS và lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự tương ứng để đối chiếu sự phù hợp giữa hành vi phạm tội thực tế với dấu hiệu CTTP được quy định trong BLHS [41, tr. 17].

Phạm nhiều tội có thể là phạm nhiều tội thực tế mà các hành vi phạm tội được thực hiện độc lập, không quan hệ với nhau (trường hợp 1); phạm nhiều tội thực tế mà các hành vi phạm tội có mối quan hệ mật thiết với nhau (trường hợp 2); phạm nhiều tội tư tưởng (trường hợp 3). Phạm nhiều tội là một trường hợp đặc biệt nên việc định tội danh cũng có những điểm riêng thể hiện ở những nội dung sau:

- *Thứ nhất*, việc nhận diện hành vi khách quan trong các trường hợp (2) và (3) của phạm nhiều tội có đặc thù riêng. Nếu trong trường hợp 1, việc nhận diện hành vi khách quan của tội phạm khá đơn giản vì các tội phạm được thực hiện độc lập thì trong trường hợp 2 và 3 việc nhận diện hành vi khách quan của tội phạm khó khăn hơn bởi lẽ hành vi khách quan của tội phạm này thường là hành vi chuẩn bị của tội phạm kia hoặc là phương pháp, thủ đoạn phạm tội của tội kia hoặc chỉ bằng một hành vi mà cấu thành hai hoặc nhiều tội phạm. Trong quá trình định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội, việc nhận thức về hành vi khách quan là một trong những vấn đề phức tạp. Việc giải quyết đúng đắn vấn đề đó về mặt lý luận cũng như về mặt lập pháp có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc định tội danh trường hợp phạm nhiều tội trong thực tiễn hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án phạm nhiều tội nói chung và định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội nói riêng. Vấn đề phức tạp trong trường hợp này thể hiện ở chỗ: cần hiểu như thế nào

về các hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Phần các tội phạm của BLHS: có phải là phạm nhiều tội hay không?

- *Thứ hai*, không phải tất cả các trường hợp nhiều hành vi phạm tội có quan hệ mật thiết với nhau hoặc hợp tổng hợp trừu tượng đều được coi là phạm nhiều tội. Việc xác định những trường hợp nêu trên có phải là phạm nhiều tội hay không còn phụ thuộc vào nội dung nguy hiểm cho xã hội của các hành vi đó. Có trường hợp tất cả các hành vi được thực hiện đều nguy hiểm đáng kể cho xã hội thì mới là phạm nhiều tội và được định tội theo nhiều tội danh. Nhưng cũng có trường hợp trong số các hành vi được thực hiện, có hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội, có hành vi nguy hiểm không đáng kể cho xã hội thì lại không phải phạm nhiều tội. Đây là trường hợp phạm tội đơn lẻ mà tội phạm được thực hiện là hành vi có tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội, còn các hành vi còn lại chỉ là tình tiết của vụ án.

Định tội danh nói chung và định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội nói riêng đúng đắn vừa là yêu cầu của pháp luật, vừa là yêu cầu của xã hội và là lương tâm, trách nhiệm của cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật. Nếu định tội danh đối với phạm nhiều tội sai, thì sẽ dẫn đến một loạt các hoạt động áp dụng pháp luật tiếp theo không chính xác, dễ làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm. Vì vậy, muốn định tội danh đối với phạm nhiều tội bảo đảm chính xác, phải nắm vững những lý luận chung về định tội danh và các dấu hiệu cơ bản nhất của định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội.

1.2.2. Các bước của quá trình định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội

Quá trình định tội danh là quá trình xác định sự đồng nhất của các tình tiết cơ bản, điển hình nhất của một hành vi nguy hiểm cho xã hội đã được thực hiện với các dấu hiệu cấu thành một tội phạm nào đó được quy định trong pháp luật hình sự [41, tr. 88].

Nghiên cứu về mặt lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, quá trình định tội danh thường diễn ra ba giai đoạn có tính logic sau đây:

- Giai đoạn thứ nhất: xác định quan hệ pháp luật. Các dấu hiệu chung nhất của hành vi được xác định, hay nói cách khác là xác định loại quan hệ pháp luật.

Trong giai đoạn này, người áp dụng pháp luật phải làm rõ vấn đề là trong trường hợp cụ thể này có các dấu hiệu của tội phạm hay không, hay hành vi đó chỉ được coi như một vi phạm pháp luật khác. Trong trường hợp tìm thấy mối quan hệ pháp luật hình sự, nghĩa là trong hành vi của người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có các dấu hiệu của tội phạm.

- Giai đoạn thứ hai: tìm nhóm quy phạm pháp luật. Đây là giai đoạn xác định xem hành vi phạm tội mà chủ thể thực hiện cụ thể thuộc chương tương ứng nào trong Phần các tội phạm nào của BLHS. Trong giai đoạn này nảy sinh quá trình xác định xem khách thể loại (loại quan hệ xã hội nào) được pháp luật hình sự bảo vệ đã bị tội phạm xâm phạm đến và trong một số trường hợp xác định các chủ thể đặc biệt thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đó.

- Giai đoạn thứ ba: tìm quy phạm pháp luật hình sự cụ thể. Đây là giai đoạn so sánh, đối chiếu và kiểm tra xem các dấu hiệu của tội phạm mà người phạm tội đã thực hiện do điều luật nào của chương đã xác định ở giai đoạn thứ hai, tức là phải các định xem hành vi phạm tội đó là phạm tội gì, tương ứng với cấu thành tội phạm cơ bản nào trong điều luật cụ thể đã tìm được.

Quá trình định tội danh được tiến hành gồm 3 giai đoạn cơ bản đó là: Làm sáng tỏ những dấu hiệu chung nhất đặc trưng nhất của hành vi, phân biệt tội phạm với hành vi vi phạm pháp luật khác; làm sáng tỏ các dấu hiệu của hành vi phạm tội thuộc loại tội phạm nào và được quy định ở chương nào của BLHS; trên cơ sở làm sáng tỏ và so sánh các dấu hiệu của tội phạm, chỉ rõ cấu thành tội phạm về tội cụ thể được áp dụng, cấu thành cơ bản, cấu thành tăng nặng, giảm nhẹ trong giới hạn điều luật lựa chọn.

Để việc định tội danh đạt được chân lý khách quan, cần phải nhận thức bao quát đầy đủ, chính xác, khách quan 3 loại yếu tố: Xác định đầy đủ, chính xác tình tiết thực tế khách quan của vụ án; nhận thức đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự liên quan đến tội phạm đã thực hiện; nhận thức đầy đủ về mối liên hệ giữa các tình tiết thực tế của hành vi và dấu hiệu của CTTP quy định trong pháp luật hình sự. Như vậy, định tội danh là một hoạt động nhận thức, hoạt động áp dụng pháp

luật hình sự nhằm đi tới chân lý khách quan trên cơ sở xác định đúng đắn, đầy đủ các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội được thực hiện, nhận thức đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự quy định cấu thành tội phạm tương ứng và các phương pháp và thông qua các giai đoạn nhất định.

1.2.3. Chủ thể định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự, quá trình định tội danh thường do các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân tiến hành. Nhưng bên cạnh đó các cán bộ khoa học, tác giả các bài báo... trong quá trình nghiên cứu cũng tiến hành định tội danh theo sự nghiên cứu của mình. Căn cứ vào sự phân chia các dạng định tội danh của khoa học luật hình sự thì chủ thể định tội danh trong từng dạng là khác nhau.

Trong trường hợp định tội danh chính thức, là sự đánh giá về mặt Nhà nước tính chất pháp lý hình sự của một hành vi phạm tội cụ thể do các chủ thể được Nhà nước ủy quyền thực hiện. Đó chính là những người có thẩm quyền trực tiếp tiến hành hoạt động tố tụng hình sự đối với vụ án hình sự cụ thể như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Các kết quả của việc định tội danh do các chủ thể này thực hiện sẽ gây ra các hậu quả pháp lý hình sự như: khởi tố vụ án hình sự, điều tra vụ án, khởi tố bị can; miễn trách nhiệm hình sự; miễn hình phạt hoặc ra bản án kết tội.

Trường hợp định tội danh không chính thức, chủ thể thực hiện định tội danh không nhất thiết là những người nhất định nào, nhưng thông thường họ là những nhà khoa học, các luật gia trong lĩnh vực tư pháp hình sự như các tác giả của các công trình nghiên cứu khoa học, giáo trình, bài báo... Đặc điểm nổi bật của dạng định tội danh này là sau khi định tội danh không phát sinh quyền hoặc nghĩa vụ trong các quan hệ pháp luật hình sự và tố tụng hình sự mà chỉ là thể hiện quan điểm hay ý kiến riêng của các tác giả.

1.2.4. Ý nghĩa của định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội

Định tội danh là một giai đoạn cơ bản của việc áp dụng pháp luật. Định tội danh đúng có ý nghĩa chính trị - xã hội, đạo đức và pháp luật rất lớn. Việc tuân thủ

ng nghiêm chỉnh Đạo luật hình sự trong khi định tội danh là điều kiện cần thiết và quan trọng của việc thực hiện chính sách của Nhà nước nhằm khắc phục tình hình tội phạm ở nước ta.

Định tội danh đúng là một biểu hiện của việc thực hiện đúng biện pháp chính trị, thực thi ý chí của nhân dân đã được thể hiện trong luật, bảo vệ có hiệu quả các lợi ích của xã hội, Nhà nước, quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân. Định tội danh đúng góp phần củng cố và giữ vững pháp chế, trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa [41, tr. 29].

Định tội danh đúng là thể hiện việc đánh giá chính trị - xã hội và pháp lý đối với những hành vi nhất định. Định tội danh đúng sẽ loại trừ việc kết án vô căn cứ những người có hành vi không nguy hiểm cho xã hội, không trái pháp luật hình sự và tạo tiền đề pháp lý cho việc quyết định hình phạt công bằng đối với những người phạm tội.

Định tội đúng có ý nghĩa quyết định trong vụ án hình sự, bởi vì nó là cơ sở cần thiết đầu tiên cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội. Ngược lại, định tội danh sai thì hậu quả rất nặng nề thể hiện trong việc quyết định hình phạt không đúng, không công bằng, mà còn áp dụng không có căn cứ hoặc không áp dụng các biện pháp pháp lý khác (quyết định hình phạt bổ sung...), đại xá, thời hiệu, án tích... Hơn nữa, việc định tội danh đúng là cơ sở cho việc tuyên hình phạt thoả đáng đối với người phạm tội sẽ có tác dụng giáo dục sâu rộng trong quần chúng nhân dân, làm cho quần chúng nhân dân thấy được sự nghiêm minh của luật pháp để tự giác tuân thủ pháp luật, tích cực tham gia công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Việc định tội danh đúng hành vi nguy hiểm cho xã hội còn có ý nghĩa là áp dụng chính xác, đầy đủ Đạo luật hình sự phản ánh được sự đánh giá pháp lý của Nhà nước điều với tội phạm đã thực hiện. Định tội danh chính xác, đầy đủ là đánh giá đầy đủ những hành vi phạm tội đã thực hiện và viện dẫn các căn cứ quy định cụ thể của pháp luật đối với hành vi phạm tội đó.

Việc định tội danh đúng còn có ý nghĩa rất lớn trong việc giải quyết các vấn đề về tố tụng hình sự như: là một trong những cơ sở để áp dụng chính xác các quy

phạm pháp luật tố tụng hình sự về tạm giam, về thẩm quyền điều tra, xét xử, trả hồ sơ để điều tra bổ sung...qua đó góp phần hữu hiệu cho việc bảo vệ các quyền và tự do dân chủ của công dân trong lĩnh vực tư pháp hình sự.

Hậu quả của việc định tội danh sai dẫn đến vi phạm các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng, quyết định hình phạt không phù hợp với hành vi đã thực hiện sẽ làm cho bị cáo chịu những hậu quả pháp lý không đáng, vi phạm các lợi ích pháp của người bị kết án. Việc định tội danh nhẹ hơn khi hành vi của người có lỗi cấu thành tội phạm nghiêm trọng hơn cũng sẽ làm giảm hiệu quả của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, giảm lòng tin của nhân dân và giảm uy tín của các cơ quan tư pháp. Định tội danh sai sẽ dẫn đến một loạt các hậu quả tiêu cực như: không đảm bảo được tính công minh có căn cứ đúng pháp luật, truy cứu trách nhiệm hình sự người vô tội, bỏ lọt người phạm tội, xâm phạm thô bạo danh dự nhân phẩm các quyền tự do dân chủ của công dân là giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận trong Nhà Định tội danh sai làm giảm uy tín của cơ quan tư pháp, vi phạm pháp chế XHCN, ảnh hưởng đến hiệu quả của đấu tranh phòng chống tội phạm.

Định tội danh nói chung và định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội nói riêng đúng đắn vừa là yêu cầu của pháp luật, vừa là yêu cầu của xã hội và là lương tâm, trách nhiệm của cán bộ các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Để tăng cường hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, trừng trị những hành vi vi phạm pháp luật góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đúng là hết sức cần thiết và quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Kết luận chương 1

Phạm nhiều tội có các dấu hiệu đặc trưng cơ bản là trường hợp một người có lỗi trong việc thực hiện hai hoặc nhiều tội phạm; các hành vi phạm tội được quy định trong Phần các tội phạm cụ thể của BLHS và người phạm tội chưa bị xét xử về tội phạm nào trong số các tội phạm đó. Trong lý luận Luật hình sự, người ta phân biệt hai trường hợp phạm nhiều tội: phạm nhiều tội thực tế và phạm nhiều tội tư tưởng (còn gọi là tổng hợp trừu tượng).

Trong tài liệu pháp lý hình sự có sự phân biệt hai trường hợp phạm nhiều tội thực tế là 1) trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm tội, mỗi hành vi cấu thành một tội độc lập và không liên quan với nhau, đây là trường hợp, ở các thời điểm khác nhau, người phạm tội thực hiện từng tội phạm độc lập, không liên quan với nhau; 2) trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành vi phạm, mỗi hành vi tuy cấu thành các tội phạm khác nhau nhưng chúng có liên quan với nhau, thể hiện là điều kiện, phương thức hoặc là hành vi tiếp theo của tội phạm kia.

Phạm nhiều tội tư tưởng có dấu hiệu đặc trưng của là bằng một hành vi đơn nhất, người phạm tội đã thực hiện nhiều tội phạm được quy định trong các điều luật khác nhau hoặc các khoản khác nhau của một điều luật thuộc Phần các tội phạm BLHS. Đây là cơ sở để phân biệt với các trường hợp phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

Định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội theo lẽ chung cũng là việc xác định sự phù hợp về pháp lý giữa hành vi phạm tội thực tế với dấu hiệu cấu thành tội phạm. Trong trường hợp 2 và 3 (nêu trên) là khó khăn hơn bởi lẽ hành vi khách quan của tội phạm này thường là hành vi chuẩn bị của tội phạm kia hoặc là phương pháp, thủ đoạn phạm tội của tội kia hoặc chỉ bằng một hành vi mà cấu thành hai hoặc nhiều tội phạm. Trong quá trình định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội, việc nhận thức về hành vi khách quan là một trong những vấn đề phức tạp. Việc giải quyết đúng đắn vấn đề đó về mặt lý luận cũng như về mặt lập pháp có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc định tội danh trường hợp phạm nhiều tội trong thực tiễn hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án phạm nhiều tội nói chung và định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội nói riêng.

Chương 2

THỰC TIỄN ĐỊNH TỘI DANH TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

2.1. Khái quát hoạt động định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội tại tỉnh Đồng Nai

Ngày 02/6/2005 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 49/NQ – TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, một phần mục tiêu của Nghị quyết là: Hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao. Để tăng cường hiệu lực của Bộ máy nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; răn đe những hành vi vi phạm pháp luật, góp phần bảo vệ trật tự trị an, an toàn xã hội và an ninh chính trị. Ngoài việc tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp, trong đó có TAND các cấp, định tội danh và quyết định hình phạt đúng người, đúng tội, đúng pháp luật của Toà án là hết sức quan trọng và cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Nghiên cứu về địa lý dân cư, chính trị - xã hội và tình hình tội phạm ở Đồng Nai có thể nhận định tình hình tội phạm ở địa bàn này rất phức tạp, số vụ án hình sự hàng năm đều cao trong đó có nhiều vụ án thuộc trường hợp phạm nhiều tội. Theo số liệu thống kê các vụ án hình sự từ năm 2012 đến năm 2016 của ngành TAND tỉnh Đồng Nai đã giải quyết 14.929 vụ án, 25.704 bị cáo; trong đó, tổng số án xét xử sơ thẩm của TAND cấp tỉnh và huyện là 14.894 vụ, 25.701 bị cáo. Số vụ án chiếm tỷ lệ khá cao ở một số tội về xâm phạm quyền sở hữu tài sản, xâm phạm tính mạng sức khỏe, trật tự công cộng, ... (Bảng 2.1).

Bảng 2.1: Thống kê số liệu xét xử án hình sự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tội danh	Điều luật	Năm 2012 Số vụ/ số bị cáo	Năm 2013 Số vụ/ số bị cáo	Năm 2014 Số vụ/ số bị cáo	Năm 2015 Số vụ/ số bị cáo	Năm 2016 Số vụ/ số bị cáo
Giết người	93	91/214	78/175	89/155	75/181	70/116
Cố ý gây thương tích	104	409/753	328/596	335/585	269/464	236/405
Hiếp dâm	111	13/15	13/25	12/16	16/17	12/13

Hiếp dâm trẻ em	112	29/35	20/22	33/42	26/30	21/23
Cưỡng dâm	113		3/3	1/1	2/2	1/1
Giao cấu với trẻ em	115	43/44	56/58	56/56	58/59	62/63
Dâm ô với trẻ em	116	10/11	22/24	23/24	13/13	14/15
Mua bán trẻ em	120	1/3	3/13	1/1	5/6	2/4
Bắt, giữ người trái pháp luật	123	6/18	5/7	9/21	11/23	6/15
Cướp tài sản	133	110/250	83/193	74/144	85/213	58/97
Cưỡng đoạt tài sản	135	26/60	35/66	26/49	26/57	19/34
Cướp giết tài sản	136	74/124	72/126	67/121	64/100	74/107
Trộm cắp tài sản	138	710/1247	721/1187	700/1111	768/1191	704/1010
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	139	123/153	128/162	115/142	108/138	117/149
Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	140	51/61	60/69	63/74	60/66	52/64
Hủy hoại tài sản	143	53/89	43/74	46/90	24/44	37/42
Sản xuất hàng cấm	155		4/4	5/5	4/6	20/36
Trốn thuế	161	2/3	1/2	2/2	2/3	3/3
Vi phạm các quy định về bảo vệ rừng	175	1/1	4/28	4/4	3/8	6/9
Lưu hành tiền giả	180		6/8	3/4	4/10	5/12
Vi phạm các quy định...loài nguy cấp, quý, hiếm	190	8/11	4/5	3/4	6/9	4/9
Tàng trữ vận chuyển, mua bán ma túy	194	276/382	298/458	278/376	290/413	363/500

Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy	197	2/3	11/20	3/3	8/10	4/5
Vi phạm quy định về...PTGT	202	223/233	231/243	186/194	166/174	211/213
Chế tạo, chiếm đoạt vũ khí	230	2/2	4/6	11/25	4/8	4/5
Gây rối trật tự công cộng	245	8/27	6/25	10/55	13/96	12/47
Đánh bạc	248	130/374	232/658	249/886	269/1028	187/707
Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc	249	39/179	46/198	39/200	34/238	36/137
Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	250	12/19	19/23	16/22	19/21	25/28
Chứa mại dâm	254	16/21	16/20	10/10	9/14	7/8
Môi giới mại dâm	255	9/10	12/12	14/18	17/20	22/31
Chống người thi hành công vụ	257	28/43	36/58	35/51	25/39	27/32
Làm giả con dấu, tài liệu cơ quan	267	20/49	28/69	23/56	15/34	12/35
Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài	275		3/10	5/11	4/6	4/10
Tham ô tài sản	278	6/13	7/13	10/19	8/19	3/18
Nhận hối lộ	279	3/5	5/6	4/7	2/7	1/3
Đưa hối lộ	289	3/3	1/4	2/3	1/1	1/1
Trốn khỏi nơi giam giữ	311	3/4	3/3	1/2	3/7	2/2
Tổng cộng		2542/4461	2653/4670	2564/4800	2525/4805	2443/4010

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chính sách, đường lối của Đảng và quy định của pháp luật về đấu tranh phòng chống tội phạm, hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật tỉnh Đồng Nai trên cơ sở pháp luật đã được thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất và đạt được kết quả nhất định. Thông thường, việc định tội danh của các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án đối với mỗi vụ án diễn ra khá đơn giản, thuận lợi. Trình độ, kỹ năng giải quyết các vụ án của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán ngày càng được nâng cao, hoạt động phối hợp về nghiệp vụ của cơ quan pháp luật tỉnh Đồng Nai được thực hiện tốt trên cơ sở các quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan nhằm hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị mình. Nhiều vụ án hình sự lớn, có tính chất phức tạp nhưng đã được kịp thời điều tra, xử lý đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Trên cơ sở quy định của pháp luật hoạt động định tội danh được các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện ở tất cả các giai đoạn tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến khi xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm vụ án hình sự. Đối với Tòa án, việc kiểm tra, xem xét định tội danh đã đúng chưa được thực hiện ngay trong quá trình chuẩn bị xét xử. Ngay sau khi được phân công, Thẩm phán có nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ vụ án, kiểm tra việc truy tố có căn cứ hay không và tùy từng trường hợp có quyền quyết định việc đưa vụ án ra xét xử hay trả hồ sơ điều tra bổ sung hoặc phải tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án. Để ra một quyết định đúng đắn đòi hỏi phải xem xét định tội danh đã đúng chưa? Đặc biệt là quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm tránh việc đưa vụ án ra xét xử mà bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, hoặc định tội danh không phù hợp với hành vi phạm tội được thực hiện. Vấn đề xác định tội danh đúng trong khi ra bản án có ý nghĩa rất lớn. Vì không ai có thể bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật (Điều 9 BLTTHS). Trong bản án cũng phải ghi rõ việc phạm tội của bị cáo, phân tích những chứng cứ xác định có tội hay không, nếu phạm tội thì là tội gì, theo điều khoản nào của BLHS. Trong giai đoạn phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm việc xem xét định tội danh đúng hay chưa cũng rất được quan tâm. Trong những trường hợp pháp luật quy định cụ thể, việc định tội danh cũng có thể có sự thay đổi.

Theo Điều 249 BLTTHS tòa án cấp phúc thẩm có quyền đổi sang tội danh nhẹ hoặc khung hình phạt nhẹ hơn. Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị hoặc người bị hại kháng cáo yêu cầu áp dụng điều khoản của BLHS về tội danh nặng hơn đối với bị cáo, thì Tòa án cấp phúc thẩm có quyền sửa bản án theo hướng đó.

Qua thực tiễn cũng cho thấy, tuy việc định tội danh được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của tố tụng hình sự (từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, điều tra, truy tố và xét xử), nhưng trên thực tế việc định tội danh đúng, đầy đủ và chính xác ở ngay giai đoạn khởi tố vụ án, khởi tố bị can là rất khó bởi ở giai đoạn này một số tình tiết của vụ án chưa được điều tra làm rõ, thu thập đầy đủ đòi hỏi ở những giai đoạn tiếp theo cần xem xét thực hiện để việc định tội danh được chính xác. Thực tiễn hoạt động tố tụng tại địa bàn tỉnh Đồng Nai cho thấy việc chuyển sang điều, khoản khác nặng hơn hoặc nhẹ hơn cũng hay xảy ra.

Quá trình giải quyết, xét xử án hình sự nói chung và các vụ án phạm nhiều tội nói riêng, ngành TAND tỉnh Đồng Nai đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hình sự, tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, tổ chức phiên toà theo đúng tinh thần cải cách tư pháp. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đã nghiên cứu cụ thể những tình tiết khách quan, tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, qua đó đưa ra kết luận bị cáo có thực hiện hành vi phạm nhiều tội hay một tội, nếu phạm nhiều tội là những tội gì, xem xét đầy đủ các điều kiện thoả mãn trường hợp phạm nhiều tội. Trong trường hợp phạm nhiều tội cũng dựa trên các căn cứ đó là: trường hợp một người có lỗi trong việc thực hiện hai hoặc nhiều tội phạm; các hành vi phạm tội được quy định trong Phần các tội phạm cụ thể của BLHS và người phạm tội chưa bị xét xử về tội phạm nào trong số các tội phạm đó. Như vậy, chỉ khi nào xác định được đầy đủ ba dấu hiệu cơ bản đó trong một trường hợp phạm tội cụ thể thì trường hợp đó mới được coi là phạm nhiều tội.

Theo số liệu xét xử vụ án thuộc trường hợp phạm nhiều tội của ngành TAND tỉnh Đồng Nai cho thấy số vụ án thuộc trường hợp phạm nhiều tội xảy ra theo xu hướng ngày càng phổ biến, tập trung vào một số tội phạm cụ thể như trộm cắp tài sản, cướp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, giết người, cố ý gây thương tích, làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức...(Bảng 2.2)

Bảng 2.2: Thống kê số bị cáo phạm nhiều tội phổ biến trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tội danh	Nhóm Điều luật	Số liệu xét xử (2012-2016)	Số bị cáo phạm nhiều tội	Tỷ lệ phạm nhiều tội (%)
Giết người + Cướp tài sản	93+133	736	24	3.26
Giết người + Cố ý gây thương tích	93+104	709	18	2.12
Giết người + Gây rối TTCC	93+245	710	36	5.07
Giết người + Che giấu tội phạm	93+313	709	2	0.28
Giết người + Không tố giác tội phạm	93+314	709	2	0.28
Hiếp dâm + Hiếp dâm trẻ em	112+111	123	10	8.13
Cướp tài sản + Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến TSNN	133+144	27	3	11.11
Lừa đảo chiếm đoạt TS + Làm giả con dấu, tài liệu	139+267	102	11	10.78
Tàng trữ, vận chuyển mua bán ma túy + Không tố giác tội phạm	194+314	22	7	31.82
Đánh bạc + Tổ chức đánh bạc	248+249	32	10	31.25
Tổ chức cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài + Làm giả con dấu tài liệu	275+267	55	18	32.73
Tham ô tài sản + Cố ý làm trái quy định của NN về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng	278+165	27	6	22.22
Trộm cắp tài sản + Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có	138+250	140	5	3.57

Nguồn: Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Để ra một bản án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai thì trong việc định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội, cũng như các trường hợp khác, đòi hỏi những người tiến hành tố tụng phải vận dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự để giải quyết. Trên cơ sở lý luận hình sự và lý luận định tội danh, việc định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội được phân chia thành hai dạng là phạm nhiều tội thực tế và phạm nhiều tội tư tưởng (tổng hợp trừu tượng). Việc nhận thức đúng các trường hợp này là cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu định tội danh đối với “phạm nhiều tội” và áp dụng vào thực tiễn hoạt động định tội danh của các cơ quan tiến hành tố tụng.

2.2. Thực tiễn định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội thực tế tại tỉnh Đồng Nai

Phạm nhiều tội thực tế: là trường hợp khi một người thực hiện nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội độc lập khác nhau và cách nhau một khoảng thời gian nhất định và những hành vi đó cấu thành hai hoặc nhiều tội phạm được quy định trong các điều luật khác nhau hoặc trong những khoản khác nhau của điều luật thuộc phần các tội phạm BLHS [41, tr. 211].

Đặc trưng của hình thức phạm nhiều tội thực tế tập trung ở các dấu hiệu là: việc thực hiện nhiều hành vi có khoảng cách về mặt thời gian (khoảng cách thời gian giữa việc thực hiện các tội phạm đó có thể là dài hoặc không đáng kể); các hành vi đó cấu thành hai hoặc nhiều tội phạm được quy định trong Phần các tội phạm BLHS.

Như đã nêu và phân tích về các dạng của trường hợp phạm nhiều tội thực tế có thể là: phạm nhiều tội thực tế mà các hành vi phạm tội được thực hiện độc lập, không quan hệ với nhau (trường hợp 1); phạm nhiều tội thực tế mà các hành vi phạm tội có mối quan hệ mật thiết với nhau (trường hợp 2).

Trên thực tế cũng xảy ra khá nhiều trường hợp phạm nhiều tội thực tế mà việc nhận diện hành vi khách quan của tội phạm khá đơn giản vì các tội phạm được thực hiện độc lập, các hành vi phạm tội được thực hiện có thể cách nhau về mặt thời gian nhiều hay ít nhưng do một chủ thể thực hiện, bị truy tố và xét xử trong cùng

một lần. Chính vì có tính độc lập và không liên quan nên việc xác định phạm nhiều tội trong trường hợp này thường đơn giản, dễ dàng, các cơ quan tố tụng đều có sự thống nhất cao trong việc định tội danh đối với các vụ án, do vậy việc giải quyết đối với các vụ án này thường có nhiều thuận lợi, không có những sai sót về việc định tội danh xảy ra.

Vụ án Lê Thanh Phương là một đối tượng nghiện ma túy, khoảng 10 giờ ngày 26/7/2014 Phương nảy sinh ý định đi cướp tài sản để có tiền mua ma túy. Phương mang theo 01 ống kim tiêm đi ra đường phía trước nhà thì gặp anh Lê Chí Tâm điều khiển xe mô tô BS 60U2-1628 chạy qua thì Phương xin đi nhờ. Phương ngồi sau nói anh Tâm chạy xe ra đường Hùng Vương, anh Tâm không đồng ý thì Phương rút ống kim tiêm ra dọa sau đó chiếm đoạt 3.000.000 đồng, 01 nhẫn 18kr, và 01 bán xe mô tô BS 60U2-1628. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 30/7/2014, Phương đi bộ từ nhà ra đường Hùng Vương mục đích để tìm tài sản trộm cắp. Khi đi vào hẻm Tuyên Liên thấy xe biển số 60B2-004.47 của anh Trần Quốc Vinh đang dựng trước nhà, có chìa khóa trên xe. Phương dắt xe ra đường hướng Quốc lộ 1A, đang đạp nổ máy xe thì anh Vinh phát hiện bắt giữ.

Trong vụ án này các hành vi phạm tội của Lê Thanh Phương có cùng loại động cơ là nhằm chiếm đoạt tài sản, cùng khách thể bị xâm phạm là quyền sở hữu về tài sản, nhưng hành vi phạm tội cướp tài sản mà bị cáo thực hiện hoàn toàn độc lập với hành vi trộm cắp tài sản sau đó, khác nhau cả về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi và đều còn thời hiệu truy cứu TNHS, do Phương bị truy tố cùng một lần nên bị xét xử và kết án về 2 Tội “cướp tài sản” và “trộm cắp tài sản”, đây thuộc trường hợp phạm nhiều tội thực tế mà các hành vi phạm tội được thực hiện độc lập, không quan hệ với nhau.

Trong trường hợp phạm nhiều tội thực tế mà các hành vi phạm tội có mối quan hệ mật thiết với nhau (trường hợp 2) thì việc nhận diện hành vi khách quan của tội phạm khó khăn hơn bởi lẽ hành vi khách quan của tội phạm này thường là hành vi chuẩn bị của tội phạm kia hoặc là phương pháp, thủ đoạn, điều kiện để thực hiện tội phạm kia. Do vậy, đối với trường hợp người phạm tội thực hiện nhiều hành

vi được quy định ở các điều luật khác nhau hoặc các khoản khác nhau của một điều luật của BLHS (thỏa mãn dấu hiệu hình thức của tội phạm) và chúng đều nguy hiểm đáng kể cho xã hội (thỏa mãn dấu hiệu nội dung) thì thuộc trường hợp phạm nhiều tội. Trên thực tế xét xử các vụ án xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thời gian qua cũng có nhiều vụ án thuộc trường hợp phạm nhiều tội mà hành vi của tội này là chuẩn bị, là điều kiện để thực hiện tội phạm kia, các hành vi này có tính chất nguy hiểm rất cao và hậu quả của các hành vi đã xảy ra gây thiệt hại rất nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của nhân dân, gây hoang mang dư luận xã hội.

Vụ án Đỗ Minh Hải, xuất phát từ mâu thuẫn trong việc tranh chấp lời đi mà đã rắp tâm giết hại hàng xóm, cũng từng là đồng đội của mình. Để thực hiện ý định này, từ năm 2005 Hải đã chuẩn bị một kế hoạch cài bom, đến năm 2007 mới thực hiện. Năm 2005, Hải đã chuẩn bị mọi vật dụng (gồm: chiếc máy cassette, chiếc áo màu tím, cây đèn pin cũ và 2 cục pin, hộp quẹt, chiếc kim, tuốc-nơ-vít, 5 kg hạt điều lép, 4 thỏi thuốc nổ TNT, 4 kíp điện, 1 kíp nổ, 1 quả lựu đạn...), những vật dụng này Hải cho vào 1 bao tải và cất vào một tủ riêng, không cho ai trong gia đình biết.

Ngày 7/6/2007, biết ông Đạt chuẩn bị dọn đồ sang nhà mới (sát rẫy nhà ông Hải), Hải quyết định cài thuốc nổ trong cassette rồi mang bao xác rắn chứa nhiều đồ đạc đến để ở nhà cũ của ông Đạt. Hải thực hiện để cài thuốc nổ vào máy cassette. Sau khi cho 2 thỏi TNT vào 2 bên loa máy và gắn kíp nổ, để cho chắc, Hải còn cho thêm một quả lựu đạn có gắn kíp nổ, rồi tắt cả đầu vào dây nguồn. Khoảng 3 giờ 30 ngày 8/6/2007, Hải bí mật mang bao xác rắn chứa máy cassette và số vật dụng chuẩn bị sẵn đến nhà ông Đạt để lại rồi trở về nhà. Khoảng 5 giờ ngày 8/6/2005, vợ chồng ông Đạt sang căn nhà cũ gần rẫy cao su để làm việc thì phát hiện bao tải lớn được buộc chặt. Tò mò, ông Đạt tháo dây và mở miệng bao ra kiểm tra thì thấy bên trong có 1 chiếc áo dài màu tím, 1 chiếc đài cassette cũ màu đen, 1 chiếc đèn pin cũ, vài kg hạt điều và một số thứ lặt vặt. Nghĩ là do ai bỏ quên đồ nên ông Đạt mang bao tải cất vào căn nhà cũ, sau khi mót mủ su xong đã lấy chiếc đài cassette ra cắm điện nghe thử, nhưng mất điện nên ông lại đem cất vào bao tải. Khi ông Đạt về lại nhà đã đem theo bao tải vừa mới nhặt được. Khoảng 6 giờ cùng ngày, con ông Đạt là Lê

Trọng Giao (SN 1988) nhìn thấy bao tải để ở nhà nên mở ra xem, thấy có chiếc đài cassette, Giao cắm dây vào ổ điện phòng khách nhưng chưa có điện nên Giao bê chiếc đài vào phòng ngủ. Một lúc sau thì có điện, Giao gọi tất cả các em của mình là Lê Trọng Kết (SN 1990), Lê Trọng Đoàn (SN 1993) và Lê Thị Thanh Nga (SN 1994) lại để cắm điện nghe thử cassette thì gây nổ lớn làm tường sập, nền nhà xuất hiện một hố sâu, mái tôn bị xé rách, 4 con ông Đạt bị thương nặng, sau đó 02 con của ông Đạt là Giao và Nga đã tử vong, còn Đoàn và Kết bị thương nặng (73% vĩnh viễn). Sau nhiều năm lẩn trốn Hải mới bị bắt giữ. Kết luận giám định cho thấy chiếc đài cassette đã được hung thủ cài sẵn thuốc nổ bên trong, sợi dây điện phía ngoài chiếc cassette chính là dây kích nổ, khi cháu Giao cắm phích vào ổ điện, mạch điện sẽ thông và kíp nổ được kích hoạt khiến mìn nổ tung. Trong vụ án này hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo đã từng tham gia quân đội, biết rõ đặc tính của chất nổ có thể làm chết nhiều người, hủy hoại tài sản rất lớn nhưng vẫn sử dụng nhằm mục đích trả thù do mâu thuẫn cá nhân. Thể hiện hành vi khách quan của bị cáo trong tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng – thuốc nổ, chính là hành vi chuẩn bị, đồng thời là phương pháp, thủ đoạn để bị cáo thực hiện tội phạm khác là giết người. Việc sử dụng chiếc đài cassette đã được cài sẵn thuốc nổ bên trong của Hải là phương pháp, thủ đoạn để thực hiện hành vi giết người nhằm mục đích trả thù cá nhân. Hậu quả thiệt hại lại xảy ra đối với 04 người con của ông Đạt là ngoài ý muốn của bị cáo nhưng bị cáo có đủ điều kiện nhận thức về hậu quả thiệt hại rất lớn có thể xảy ra nhưng vẫn thực hiện hành vi này.

Trong vụ án này các hành vi phạm tội của người phạm tội có sự liên quan chặt chẽ với nhau, hành vi của tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng (thuốc nổ, lựu đạn) là sự chuẩn bị, đồng thời là điều kiện và phương tiện để thực hiện tội phạm khác là giết người. Người phạm tội đã chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để thực hiện kế hoạch mưu sát của mình và hậu quả vụ án xảy ra đã gây thiệt hại rất lớn cho gia đình người bị hại cả về tính mạng, sức khỏe, tài sản và tổn thất tinh thần, những đau thương, mất mát mà không gì có thể bù đắp được. Mục đích của bị cáo là muốn ông Đạt chết nhưng hậu quả của vụ nổ mìn trong máy cassette lại xảy

ra đối với 04 người con của ông Đạt và hậu quả của hành vi phạm tội đến đâu thì bị cáo phải chịu trách nhiệm đến đó. Hành vi phạm tội của bị cáo là vô cùng nguy hiểm, hậu quả mà bị cáo gây ra là đặc biệt nghiêm trọng. Đây là trường hợp phạm nhiều tội thực tế khi cả hai hành vi nêu trên đều rất nguy hiểm cho xã hội và vi phạm quy định của BLHS. Do vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2012/HSST ngày 05/01/2012 của TAND tỉnh Đồng Nai đã kết án Đỗ Minh Hải về 2 Tội “giết người” và “tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” tổng hợp hình phạt của hai tội là tử hình.

Trường hợp phạm nhiều tội thực tế được xác định bởi một tội phạm có mối quan hệ chặt chẽ với một tội phạm khác thể hiện ở những khía cạnh khác như hành vi của tội này thủ đoạn để che dấu một hay nhiều tội phạm khác, hoặc là điều kiện để thực hiện hành vi phạm tội kia, giữa các hành vi có sự nối tiếp nhau, có thể không nằm trong mục đích ban đầu của đối tượng phạm tội, hành vi phạm tội sau có thể mang tính bộc phát nhưng thể hiện tính nguy hiểm rất cao cho xã hội, do vậy các hành vi vi phạm đều phải bị truy tố, xét xử về nhiều tội.

Trương Ngọc Hoài Mến là công nhân thuê phòng trọ số 06 thuộc nhà trọ 116, tổ 11, khu phố 12, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Khoảng 02h00’ ngày 23/11/2013, khi đi ngang qua phòng trọ số 16 do chị Bùi Thị Thanh Huyền đang thuê thì thấy chị Huyền về hướng nhà vệ sinh chung nên Mến lén lút đột nhập vào phòng chiếm đoạt tài sản là một điện thoại di động hiệu Gionee Pocket (trị giá 500.000 đồng). Khi đang cầm điện thoại trên tay, do bị chị Huyền phát hiện tri hô nên Mến dùng tay bịt miệng không cho chị kêu nhưng chị Huyền vẫn tiếp tục kêu la, Mến dùng tay vừa bịt miệng vừa vật ngã chị Huyền xuống nền nhà rồi dùng hai đầu gối đè giữ hai tay và người, dùng tay bịt miệng và bóp cổ nạn nhân. Khi thấy chị Huyền nằm bất động, Mến bế người bị hại đặt lên giường rồi thực hiện hành vi giao cấu, chiếm đoạt chiếc điện thoại sau đó trở về phòng của mình nằm ngủ. Khoảng 09h00’ ngày 23/11/2013, Mến lại đến phòng của chị Huyền lục tìm tài sản và chiếm đoạt thêm 30.000 đồng; khoảng 14h00’ cùng ngày, Mến chuyển đến thuê một phòng trọ khác ở tổ 17A, khu phố 2, phường Bình Đa, thành

phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, nhằm mục đích trốn tránh nhưng đến khoảng 19h00' cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai bắt giữ.

Trong vụ án này, hành vi phạm nhiều tội của Trương Ngọc Hoài Mến là đặc biệt nguy hiểm, xâm phạm đến nhiều khách thể khác nhau đó là quyền sống, quyền sở hữu tài sản và nhân phẩm của con người. Để che dấu hành vi chiếm đoạt tài sản, người phạm tội đã không ngần ngại dùng vũ lực tước đoạt tính mạng của nạn nhân, khi người bị hại kêu cứu, không những không buông tha mà ngược lại người phạm tội đã quyết tâm phạm tội đến cùng, đây cũng là tình tiết tăng nặng TNHS. Đề tiện hơn, sau khi dùng vũ lực làm nạn nhân bất tỉnh, không còn khả năng tự vệ, bị cáo còn giở trò đồi bại đối với người bị hại nhằm thỏa mãn dục vọng thú tính của mình. Đồng thời, ngay trong buổi sáng hôm đó bị cáo còn quay lại phòng trọ chị Huyền lục soát tài sản và chiếm đoạt thêm 30.000 đồng. Bị cáo thực hiện nhiều hành vi vi phạm liên tiếp nhau, các hành vi đều mang tính nguy hiểm cao, đều cấu thành các tội phạm riêng biệt, nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau thể hiện Mến thực hiện hành vi khống chế, tước đoạt tính mạng của chị Huyền nhằm che giấu hành vi trộm cắp điện thoại của Mến do bị phát hiện, nhưng đồng thời Mến lợi dụng tình trạng người bị hại không còn khả năng tự vệ là điều kiện để thực hiện hành vi phạm tội hiếp dâm, rồi tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của họ. Với các tình tiết vụ án nêu trên, Trương Ngọc Hoài Mến đã bị truy tố và xét xử về 03 Tội “giết người” “hiếp dâm” và “cướp tài sản”, đây là vụ án thuộc trường hợp phạm nhiều tội thực tế mà các hành vi phạm tội có sự gắn kết chặt chẽ với nhau.

Bản án số 51/2014/HSST ngày 30/5/2014 của TAND tỉnh Đồng Nai đã xử phạt bị cáo Trương Ngọc Hoài Mến tử hình về tội “Giết người”; 03 (ba) năm tù về tội “Hiếp dâm”; 03 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trương Ngọc Hoài Mến phải chấp hành hình phạt chung là tử hình.

Phạm nhiều tội thực tế cũng được xác định bởi một tội phạm có mối quan hệ chặt chẽ với một tội phạm khác khi hành vi phạm tội này là phương tiện, thủ đoạn để thực hiện hành vi phạm tội khác. Theo số liệu thống kê các vụ án thuộc trường hợp phạm nhiều tội thì loại tội này diễn ra khá phổ biến và ngày càng đa dạng.

Từ tháng 6/2014 - 8/2014, Trần Thanh Hoàng cùng Lê Quốc Bảo, Nguyễn Phan Như Hải đã 06 lần mua xe honda Honda Airblade không hợp pháp, làm giấy tờ giả hợp thức hóa xe, giả xe chính chủ rồi cùng đem xe đến các tiệm cầm đồ cầm xe, lấy tiền chia nhau tiêu xài. Hành vi của các bị cáo làm cho các chủ tiệm cầm đồ nhầm tưởng rằng là xe hợp pháp nên đã đồng ý cầm xe, tổng số tiền chiếm đoạt từ là 89 triệu đồng.

Trong vụ án này hành vi phạm tội của các bị cáo có tính lặp đi lặp lại liên tục, mục đích làm giấy đăng ký xe và các giấy tờ về nhân thân giả là để các cơ sở cầm đồ tin tưởng là xe có giấy tờ, nguồn gốc hợp pháp, thống nhất nhận cầm cố, thế chấp xe với giá cao hơn giá xe bất hợp pháp. Trên thực tế, hành vi gian dối này của các bị cáo đã thực hiện hoàn thành, những người bị hại đã tưởng giả là thật nên đã chấp nhận cầm xe với giá cao như ý định của các bị cáo. Mục đích làm giả các giấy tờ để lừa nhiều người, là phương pháp, thủ đoạn mà các bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo nên đã đủ yếu tố cấu thành Tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đồng thời, hành vi làm giả các tài liệu là giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy chứng minh nhân dân ... đã cấu thành Tội “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Để răn đe và phòng ngừa tội phạm, trong các trường hợp làm giả giấy tờ mang tính nguy hiểm cao (lừa tài sản có giá trị lớn, làm giả nhiều giấy tờ, lừa nhiều người...) thì cần thiết phải xử cả hai tội mới nghiêm minh. TAND huyện Nhơn Trạch đã kết án các bị cáo trên đều về 02 tội: “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” và “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 108/2014/HSST ngày 31/7/2014.

Trong thực tế tại tỉnh Đồng Nai đã xảy ra khá nhiều vụ án thuộc trường phạm nhiều tội thực tế liên quan đến hình thức phạm tội như trên, thể hiện như hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức là phương pháp, thủ đoạn mà các đối tượng phạm tội sử dụng để thực hiện các hành vi: tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tổ chức người khác trốn đi nước ngoài, lừa đảo chiếm đoạt tài sản... Hành vi phạm tội của một số bị cáo đã được ngành TAND tỉnh Đồng Nai xét xử theo Bản án số 11/2015/HSST ngày 06/02/2015 đối với Nguyễn Văn Thắng phạm 03 Tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

và “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Bản án số 112/2014/HSST ngày 30/9/2014 của TAND tỉnh Đồng Nai đã kết án bị cáo Lê Đức Hùng về 02 Tội “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”; Bản số 35/2015/HSST ngày 24/4/2015 TAND tỉnh Đồng Nai đã kết án các bị cáo Hồng Bích Phụng và Nguyễn Thị Phương Dung về 02 Tội “làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và “tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”...

Vụ án Nguyễn Văn Thắng, từ tháng 9/2012 đến ngày 09/3/2013 đã giả danh là người đang làm việc tại Công ty cổ phần đầu tư Tân Đức thuộc tập đoàn Tân Tạo và là chủ nhiệm dự án xây dựng trường Đại học quốc tế Tân Tạo, lập hợp đồng giả tạo với nội dung mua bán cây xanh giữa Công ty cổ phần đầu tư Tân Đức với Doanh nghiệp tư nhân Hùng Thu do bà Nguyễn Thị Thu Thủy làm chủ. Do tin tưởng Thắng nên bà Thủy đã đồng ý đưa tiền để Thắng tác động giúp ký kết hợp đồng. Số tiền mà Thắng đã chiếm đoạt của ông Hùng, bà Thủy từ ngày 19/9/2012 đến ngày 25/9/2012 là 190 triệu đồng. Để tiếp tục thực hiện hành vi phạm, Thắng làm giả các loại giấy của Công ty Tân Đức, các Ngân hàng nằm trên địa bàn hai tỉnh Đồng Nai và Long An để ông Hùng, bà Thủy đưa tiếp tiền và tài sản khác, tổng cộng là 734.810.000 đồng. Ngoài ra, khoảng tháng 10/2012, Thắng mượn của vợ chồng ông Trần Ngọc Hùng và bà Nguyễn Thị Thu Thủy 01 xe mô tô hiệu Airblade cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe này để làm phương tiện đi lại, sau đó đem tài sản cầm cố cho ông Lê Đắc Sự lấy 30 triệu rồi chi tiêu hết. Vào cuối tháng 02/2013, bị cáo Thắng mượn của ông Nguyễn Viết Uy tại trung đoàn 87, Bộ tư lệnh hóa học 01 xe mô tô để làm phương tiện đi lại. Ông Uy đã giao xe và giấy chứng nhận đăng ký xe cho bị cáo, sau đó Thắng đem tài sản này cầm cho ông Trần Trọng Sơn để lấy 15 triệu rồi chi tiêu hết.

Cáo trạng số 128 ngày 10/11/2014 của VKSND tỉnh Đồng Nai đã truy tố Nguyễn Văn Thắng về 3 tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 139; điểm d khoản 2 Điều 140 và điểm b khoản 2 Điều 267 BLHS.

Trong quá trình xét xử bị cáo cho rằng anh Uy cho bị cáo mượn để đi cầm cố lấy tiền nhưng bị cáo không đưa ra được chứng cứ việc thỏa thuận này; Đối với hành vi làm giả tài liệu, bị cáo Nguyễn Văn Thắng cho rằng hành vi này mục đích lập những hợp đồng giao dịch giả để tạo sự tin tưởng của ông Hùng, bà Thủy và đã cấu thành trong tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên bị cáo không phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” như cáo trạng đã truy tố.

Tuy nhiên, HĐXX sơ thẩm đã xem xét đánh giá, lời khai trên của bị cáo không được ông Hùng, bà Thủy và anh Uy thừa nhận, không phù hợp với lời khai của bị cáo, người bị hại tại cơ quan điều tra, không phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra nên không được chấp nhận. Về hành vi làm giả tài liệu của bị cáo Thắng rồi sử dụng tài liệu, giấy tờ đó để lừa dối hai người bị hại Trần Ngọc Hùng và Nguyễn Thị Thu Thủy nên đã cấu thành tội danh độc lập “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Trong vụ án này, việc thực hiện hành vi dùng thủ đoạn gian dối của Thắng diễn ra khá tinh vi, thực hiện trong một thời gian khá dài, làm cho những người bị hại là ông Hùng, bà Thủy hoàn toàn tin tưởng để nhiều lần giao cho Thắng số tiền lớn mà không nghi ngờ gì. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Thắng là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước; số tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị lớn nên cần phải xử lý nghiêm. Do vậy, Bản án số 11/2015/HSST ngày 06/02/2015 của TAND tỉnh Đồng Nai đã kết án Nguyễn Văn Thắng về 03 Tội theo cáo trạng truy tố của VKSND tỉnh Đồng Nai.

Liên quan đến vụ án trên, đánh giá tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai cho thấy, hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức được xác định đã trở thành một hiện tượng tiêu cực của xã hội và xảy ra khá phổ biến. Ngoài hình thức biểu hiện là những tội phạm mang tính chất đơn lẻ, trong nhiều vụ việc thì hành vi vi phạm này lại là điều kiện, phương tiện, thủ đoạn để các đối tượng tội phạm sử dụng vào các hành vi phạm tội khác. Loại tội phạm này có chiều hướng gia tăng về số vụ, tính chất nghiêm trọng với phương thức và thủ đoạn ngày càng tinh vi hơn, giá trị tài sản chiếm đoạt ngày càng lớn, địa bàn phạm tội không chỉ bó hẹp

ở một địa phương mà còn trải rộng trên nhiều địa bàn của tỉnh hoặc tại nhiều tỉnh, thành khác nhau. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, không ít vụ việc các cơ quan tiến hành tố tụng không chỉ ở Đồng Nai mà cả ở nhiều địa phương khác cũng gặp nhiều vướng mắc, lúng túng, đặc biệt trong những trường hợp vụ án có hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức để sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội khác như lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trốn thuế, tổ chức trái phép....

Vụ án Nguyễn Thị Huyền, tháng 8/2014 Huyền đến thuê ở phòng trọ của bà Hoàng Thị Lan gần chợ Biên Hòa, Đồng Nai. Thời gian ở trọ, với lý do cần tiền để buôn bán, Huyền đã nhiều lần vay tiền của bà Lan tổng cộng là 98 triệu đồng. Tháng 9/2014, Huyền nghe theo một người quen giới thiệu đã làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giá 10 triệu mang tên di của Huyền (là Nguyễn Ngọc Mỹ) với mục đích là để đưa cho bà Lan làm tin để cho vay tiền. Khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Huyền đưa cho bà Lan để vay thêm tiền nhưng bà Lan đã yêu cầu Huyền phải làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Huyền thì mới nhận thế chấp. Huyền lại liên hệ nhờ người làm giấy đỏ giả mang tên Huyền với giá 22 triệu đồng. Đến ngày 10/10/2015, Huyền đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình cho bà Lan để vay số tiền 200 triệu đồng. Bà Lan đã đồng ý và trừ nợ trước đó, bà Lan đưa cho Huyền thêm 90 triệu đồng. Hai bên làm giấy vay tiền, hẹn 03 tháng sau Huyền sẽ trả. Đến hạn trả nợ bà Lan đòi nợ nhiều lần nhưng Huyền không trả tiền, bà Lan nghi ngờ đi xác minh thông tin về thửa đất thì phát hiện giấy tờ này là giả nên báo công an.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các cơ quan tố tụng thành phố Biên Hòa đã thống nhất xác định Nguyễn Thị Huyền phạm Tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bản án hình sự sơ thẩm số 471/2012/HSST ngày 21/12/2012 của TAND thành phố Biên Hòa đã kết án Huyền 2 năm 6 tháng tù về Tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bản án trên của TAND thành phố Biên Hòa đã bị VKSND tỉnh Đồng Nai kháng nghị phúc thẩm theo hướng hủy án để điều tra, xét xử lại. Theo quan điểm của VKSND tỉnh Đồng Nai hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

mang tên mình của Huyền nhằm mục đích vay tiền và đã lừa dối vay được tiền nhưng chưa bị cấp sơ thẩm xử lý. Trong trường hợp này, hành vi của Nguyễn Thị Huyền có dấu hiệu phạm thêm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Điều 267 BLHS. Tòa án cấp sơ thẩm không xử lý Huyền về tội này là bỏ lọt tội phạm. Đồng tình, với quan điểm của VKSND tỉnh Đồng Nai, Bản án số 21/2013/HSPT ngày 04/02/2013 của TAND tỉnh đồng Nai đã hủy bản án sơ thẩm của TAND thành phố Biên Hòa để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Từ những vụ án trên cho thấy đã có sự vận dụng pháp luật khác nhau giữa các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm và phúc thẩm. Trên thực tiễn có nhiều quan điểm khác nhau khi đưa ra để xử lý đối với hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức để thực hiện và việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong vụ án trên cụ thể là:

Quan điểm phải xử lý về một tội: trong trường hợp trên chỉ nên xử lý bị cáo về một tội là lừa đảo chiếm đoạt tài sản bởi tội này thể hiện mục đích mà bị cáo hướng tới. Hành vi làm giả giấy tờ chỉ là một thủ đoạn gian dối của hành vi lừa đảo, hành vi làm giấy tờ giả của các bị cáo đã bị thu hút vào tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên chỉ cần xét xử một tội này là phù hợp với nguyên tắc suy đoán có lợi cho người phạm tội. Ngoài ra, dấu hiệu đặc trưng của tội lừa đảo là dùng thủ đoạn gian dối, hành vi gian dối thông qua việc đối tượng làm giấy tờ giả nhằm mục đích đưa cho người bị hại làm tin, việc lừa đảo là một chuỗi hành vi làm giả giấy tờ, dụ dỗ và kết thúc là chiếm đoạt được tiền của nạn nhân, do vậy chỉ nên xét xử bị cáo về một tội là lừa đảo chiếm đoạt tài sản là phù hợp.

Quan điểm phải xử lý về hai tội: Hành vi của bị cáo trong vụ án trên là làm giả giấy tờ nhiều lần (giấy tờ liên quan đến nhà, đất cũng như thủ đoạn tinh vi), hành vi làm giả giấy tờ của cơ quan tổ chức đã hoàn thành sau khi đã làm xong các giấy tờ giả. Bị cáo đã sử dụng giấy tờ giả này vào việc lừa người bị hại với số tiền lớn (hoặc trường hợp lừa nhiều người), các hành vi vi phạm của bị cáo đều có tính nguy hiểm với mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản, thì cần thiết phải xử cả hai tội là lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Theo tác giả, trong vụ án trên phải xử lý hành vi của bị cáo Huyền về hai tội. Theo Điều 139 BLHS, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là người phạm tội đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác. Thủ đoạn gian dối được coi là dùng công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm của người phạm tội. Tùy từng trường hợp cụ thể mà người phạm tội sử dụng công cụ, phương tiện khác nhau để lừa được người khác. Nếu phương tiện, công cụ mà người phạm tội sử dụng cấu thành một tội phạm cụ thể thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về hai tội. Trường hợp làm giả giấy tờ và nếu hành vi này cấu thành tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức thì người phạm tội phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hai tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tuy nhiên, cũng tùy vào từng vụ việc cụ thể để đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm trong từng hành vi vi phạm của các đối tượng thực hiện để xác định thuộc trường hợp phạm nhiều tội hay một tội như việc đối tượng làm giả nhiều giấy tờ giả hay ít, loại giấy tờ gì? trị giá số tài sản muốn chiếm đoạt, các hành vi thực hiện tội phạm đến giai đoạn nào...để từ đó có căn cứ xử lý hành vi vi phạm.

Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng đối với các vụ án với các hình thức phạm tội như trên ngày càng trở lên phổ biến, trong khi nhận thức, quan điểm giữa các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng lại có sự khác nhau, thậm chí quan điểm của các thẩm phán trong cùng một đơn vị cũng khác nhau nên việc xử lý các vụ án có nhiều bất cập.

Vụ án Huỳnh Văn Sơn là người đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, để có tiền tiêu xài Sơn thực hiện nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 7/2012, Sơn có quen biết với anh Nguyễn Văn Chí đang có nhu cầu mua đất, Sơn đã nói dối anh Chí là có 1 lô đất bên cạnh nhà Sơn là đất của một người tên Loan nhà ở Phú Mỹ Hưng, thành phố Hồ Chí Minh nhờ Sơn bán dùm, thực chất Sơn không biết lô đất đó của ai. Tưởng thật nên anh Chí đồng ý mua với giá 1,8 tỷ đồng, đặt cọc trước cho Sơn 20 triệu đồng. Sau đó Sơn nhiều lần đến gặp anh Chí để lấy tiền tổng là 360.000.000đ. Đến tháng 4/2013, anh Chí phát hiện mảnh đất trên của không phải của bà Loan như Sơn nói

nên anh Chí yêu cầu Sơn trả lại tiền thì Sơn trả cho anh Chí được 60.000.000đ còn lại 300.000.000đ Sơn không trả mà liên hệ làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Sơn để đưa cho anh Chí tin tưởng Sơn có khả năng trả nợ, nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền của anh Chí.

Vụ thứ hai: Cũng trong khoảng thời gian trên, Sơn nói dối với anh Mai Viết Xuân làm nghề bán tạp hóa, là Sơn có người nhà làm trong Trại tạm giam B5, có thể lo cho anh Xuân giao hàng hóa phẩm cho cán tin trại tạm giam B5 và anh Xuân sẽ chia tiền hoa hồng cho Sơn. Sơn kêu anh Xuân phải đưa tiền thế chân để nộp vào Trại tạm giam B5 mới được ký hợp đồng. Tưởng thật nên anh Xuân đã đưa 03 lần tiền cho Sơn tổng cộng là 128.000.000đ. Để tạo lòng tin với anh Xuân, Sơn đánh máy vi tính làm giả 01 phiếu đặt hàng và 02 danh mục hàng cần nhập vào Trại tạm giam B5 rồi giả chữ ký của kế toán ngân quỹ là Nguyễn Thị Thu Hằng và thủ quỹ là Nguyễn Thanh Hoa, có đóng mộc dấu giả của Trại tạm giam B5, sau đó Sơn đưa cho Xuân. Khi đến hẹn không thấy được giao hàng nên anh Xuân đã mang phiếu đặt hàng vào Trại tạm giam B5 để hỏi thì biết giấy tờ Sơn đưa cho anh Xuân là giấy tờ giả. Sau đó anh Xuân nhiều lần đến gặp Sơn thì Sơn đều trốn tránh. Ngày 10/6/2013, anh Xuân tố cáo hành vi phạm tội của Sơn nên Sơn bị bắt giữ.

Cáo trạng số 445 ngày 25/06/2014 của VKSND thành phố Biên Hòa đã truy tố Huỳnh Văn Sơn về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” điểm a khoản 3 Điều 139 của BLHS. Bản án hình sự sơ thẩm số 466 ngày 06/8/2014 của TAND thành phố Biên Hòa đã kết án Sơn 08 (Tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Vụ thứ 2: Bị cáo Thái Thị Thoa từ ngày 30/3/2011 - 16/6/2012 đã có hành vi nhờ 01 người phụ nữ làm giả các giấy tờ gồm: 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở do Thoa và Cao Xuân Tạo (chồng của Thoa) đứng tên; 01 giấy CMND và 01 giấy đăng ký xe mô tô do Thoa đứng tên (giấy giả) sau đó đi thế chấp để vay tiền nhằm chiếm đoạt của chị Trần Thị Minh số tiền 35 triệu đồng; chị Hoàng Thị Kim Dung 100 triệu đồng và Lê Thị Liễu 300 triệu đồng.

Cáo trạng số 261/CT/VKS ngày 06/5/2015 của VKSND thành phố Biên Hòa đã truy tố Thái Thị Thoa về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con

dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” điểm a, khoản 3 Điều 139 và điểm b, khoản 2 Điều 267 BLHS. Bản án số 285/2015/HSST ngày 10/06/2015 của TAND thành phố Biên Hòa đã kết án bị cáo Thoa về các tội như truy tố của Viện kiểm sát.

Các bản án sơ thẩm trên đều không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là trong trường hợp vụ án có kháng cáo hoặc kháng nghị thì bản án có đảm bảo tính ổn định về đường lối, quan điểm xử lý trong việc định tội danh của cơ quan tố tụng các cấp hay không?

Từ các vụ án trên cho thấy, tuy trong từng vụ án có những tình tiết khác nhau nhưng quan điểm xử lý của về hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức trong việc bị cáo là phương tiện, thủ đoạn để thực hiện hành vi gian dối trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có sự khác nhau trong khi các hành vi phạm tội trong từng tội danh đã hoàn thành, hậu quả thiệt hại đã xảy ra và đều có tính nguy hiểm cao cho xã hội. Như vậy, qua việc đánh giá tình hình thực tiễn áp dụng pháp luật cụ thể là hoạt động định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội thực tế khi mà các hành vi phạm tội có mối quan hệ mật thiết với nhau (trường hợp 2) thì việc nhận diện còn gặp nhiều khó khăn, còn xảy ra nhiều quan điểm trong hoạt động định tội danh bởi chính mối quan hệ giữa hành khách quan trong các cấu thành tội phạm của các tội phạm.

Tuy nhiên, để làm cơ sở cho việc thống nhất áp dụng pháp luật trong những trường hợp phạm nhiều tội mà các hành vi phạm tội có liên quan chặt chẽ với nhau, là phương tiện để thực hiện... hành vi phạm tội kia và đều có tính chất mức độ nguy hiểm cao cho xã hội thì cần thiết phải xử nhiều tội tương ứng với các hành vi vi phạm đã thực hiện. Do vậy, rất cần những giải pháp về chuyên môn nghiệp vụ từ các ngành tư pháp tạo ra sự thống nhất áp dụng pháp luật trong một số loại tội phổ biến nhưng việc áp dụng pháp luật để xử lý lại không có sự thống nhất. Trong những trường hợp cụ thể cũng cần có các văn bản hướng dẫn, giải thích pháp luật của cơ quan có thẩm quyền đối với những trường hợp vướng mắc để làm cơ sở trong thực tiễn áp dụng pháp luật.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì qua thực tiễn xét xử án hình sự trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, vẫn có nhiều bản án (trong đó có những vụ án phạm nhiều tội) bị sửa, hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán trong quá trình áp dụng pháp luật hình

sự, do đó phần nào đã ảnh hưởng đến hiệu quả công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm. Qua phân tích kết quả thống kê các vụ án do TAND tỉnh Đồng Nai, Tòa phúc thẩm TANDTC tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm cho thấy tỉ lệ các vụ án bị hủy, sửa do có kháng cáo, kháng nghị còn cao, trong đó hầu hết lý do hủy án đều do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, định tội danh chưa chính xác, có cả các vụ án thuộc trường hợp phạm nhiều tội (Bảng 2.3).

Bảng 2.3: Thống kê kết quả xét xử phúc thẩm của TAND tỉnh đối với TAND cấp huyện của tỉnh Đồng Nai.

Năm	Số vụ/ bị cáo xét xử phúc thẩm	Số bị cáo có kháng cáo, kháng nghị		Quyết định hình phạt đối với bị cáo		
		Một tội	Nhiều tội	Đình chỉ, giữ nguyên án sơ thẩm	Sửa án	Hủy án
2012	357/534	519	15	339	184	11
2013	281/417	407	10	240	170	7
2014	253/372	362	10	252	111	9
2015	202/283	270	13	172	94	17
2016	231/351	341	11	184	161	8

Nguồn: TAND tỉnh Đồng Nai.

Theo quy định của BLTTHS năm 2003 thì Tòa án chỉ xét xử bị cáo theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố (Điều 196). Theo quy định này thì Tòa án không được xét xử người và những hành vi mà Viện kiểm sát không truy tố; hoặc xét xử theo tội danh nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Do vậy đã có một số vụ án trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng không thống nhất về việc định tội danh như trường hợp bị cáo bị truy tố để xét xử về nhiều, nhưng trong quá trình xét xử đã bị Tòa án kết án bị cáo về nhiều tội nhưng có tội nhẹ tội mà viện kiểm sát hơn nhưng trước đó đã phải quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung để xem xét lại tội danh nhằm thống nhất quan điểm giải quyết vụ án.

Ví dụ: Vụ án Trần Văn Ham bị VKSND tỉnh Đồng Nai truy tố về tội “Hiếp dâm trẻ em” theo khoản 4 Điều 112 và tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS nhưng TAND tỉnh Đồng Nai khi xét xử đã kết án bị cáo về tội “Dâm ô đối với trẻ em” điểm a, khoản 2, Điều 116 và tội “Trộm cắp tài sản” khoản 1 Điều 138 BLHS tại Bản án số 183/2015/HSST ngày 13/7/2015 của TAND tỉnh Đồng Nai; Lê Tấn Việt bị VKSND tỉnh Đồng Nai truy tố về tội “Giết người” khoản 2 Điều 93 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” khoản 1 điều 140 BLHS nhưng khi TAND tỉnh Đồng Nai đưa ra xét xử đã kết án Lê Tấn Việt phạm tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” khoản 1 Điều 96 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” khoản 1 điều 140 BLHS theo Bản án số 101/2014/HSST ngày 31/7/2014 của TAND tỉnh Đồng Nai...

Ngược lại, có trường hợp Viện kiểm sát truy tố tội danh có khung hình phạt nhẹ, Tòa án phát hiện bị cáo phạm tội danh nặng hơn nên đã ra quyết định điều tra bổ sung theo tội danh nặng hơn, đề nghị Viện kiểm sát thay đổi tội danh đã truy tố. Có trường hợp Viện kiểm sát thống nhất với quan điểm của Tòa án, nhưng cũng có trường hợp không đồng ý thay đổi tội danh và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố nên Tòa án vẫn quyết định xét xử theo tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố đồng thời phải kiến nghị trong bản án để Cơ quan có thẩm quyền xem xét kháng nghị hủy bản án để truy tố, xét xử về tội nặng hơn. Đối với những vụ án trong trường hợp này thường phải kéo dài thời hạn giải quyết do phải hợp thống nhất liên ngành các cơ quan tố tụng hoặc vụ án sau đó sẽ bị cơ quan có thẩm quyền kháng nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Vụ án Vũ Mạnh Quân ban đầu truy tố bị cáo về 2 tội “Dâm ô” Điều 116 và “Cưỡng đoạt tài sản” Điều 135 BLHS nhưng sau đó đã phải thay đổi tội danh và kết án về 2 tội “Hiếp dâm” Điều 112 và “Cưỡng đoạt tài sản” Điều 135 BLHS theo Bản án số 263/2014/HSST Ngày 25/8/2014 của TAND tỉnh Đồng Nai...

Trong quá trình tiến hành tố tụng các vụ án hình sự nếu ở giai đoạn điều tra, truy tố trường hợp định tội danh không đúng Viện kiểm sát trả hồ sơ yêu cầu điều tra thay đổi tội danh thì ở giai đoạn chuẩn bị xét xử, nếu thấy việc truy tố của Viện

kiểm sát đối với bị can về khung hình phạt hoặc tội danh chưa chính xác thì Tòa án quyết định trả hồ sơ yêu cầu Viện kiểm sát xác định lại tội danh. Những vụ án mà các cơ quan thường trả hồ sơ về vấn đề định tội danh vẫn là những vụ án có cấu thành tội phạm gần giống nhau và ở trong cùng nhóm tội, như: Tội cướp tài sản, cướp giật tài sản và cưỡng đoạt tài sản; giết người và cố ý gây thương tích; hoặc hiếp dâm và dâm ô... hoặc có trường hợp định khung chưa chính xác với hành vi mà người phạm tội đã thực hiện. Việc tiến hành theo các thủ tục trên dẫn đến buộc phải kéo dài thời gian giải quyết vụ án, làm ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và giảm uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Như vậy, qua phân tích tình hình thực tiễn giải quyết, xét xử các vụ án thuộc trường hợp phạm nhiều tội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian qua cho thấy việc định tội danh trong quá trình giải quyết các vụ án thuộc trường hợp phạm nhiều tội thực tế cũng có nhiều vướng mắc, bất cập. Về nguyên nhân khách quan, những loại tội này có một số đặc điểm giống nhau hoặc tương tự nhau dễ gây nhầm lẫn dẫn đến có những cách hiểu khác nhau khi áp dụng pháp luật đối với từng vụ án cụ thể. Một số quy định của pháp luật còn mang tính chất chung chung, trong khi văn bản hướng dẫn, giải thích pháp luật của cơ quan có thẩm quyền chưa kịp thời để tháo gỡ những vướng mắc nảy sinh trong thực tiễn. Về nguyên nhân chủ quan có thể nhận thấy rõ là năng lực chuyên môn của một số người tiến hành tố tụng còn hạn chế, không nắm vững các yếu tố cấu thành, dấu hiệu đặc trưng của một số loại tội phạm cụ thể, đánh giá thiếu tình tiết của vụ án như nguyên nhân xảy ra tội phạm; động cơ, mục đích tội phạm...nên dẫn đến việc định tội danh trong những trường hợp cụ thể còn có nhiều sai sót.

2.3. Thực tiễn định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tư tưởng tại tỉnh Đồng Nai

Trong thực tiễn hoạt động định tội danh, định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội tư tưởng (tổng hợp trừu tượng) đã được các cơ quan tố tụng xác định qua đặc trưng của trường hợp phạm nhiều tội tư tưởng là: bằng một hành vi

đơn nhất, người phạm tội đã thực hiện nhiều tội phạm được quy định trong các điều luật khác nhau hoặc các khoản khác nhau của một điều luật thuộc phần các tội phạm BLHS, đồng thời đây cũng là cơ sở để phân biệt với các trường hợp phạm tội nhiều lần, tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

Nội dung cơ bản của dạng phạm nhiều tội tổng hợp trừu tượng thể hiện ở chỗ chủ thể thực hiện một hành vi và hành vi đó cấu thành hai hay nhiều tội hoặc nói cách khác bị cáo thực hiện hai hay nhiều tội phạm bằng một hành vi. Tuy nhiên việc nhận diện các hành vi phạm tội trong một số trường hợp cụ thể cũng có những vấn đề đặt ra trong việc xác định từng tội danh như vụ án sau:

Vào năm 2003, Đặng Thanh Sang kết hôn với chị Lê Thị Lương, có 02 người con chung (sinh năm 2008 và 2013). Sang và chị Lương đã ly hôn nhưng chưa chia tài sản chung của hai vợ chồng. Sau khi ly hôn, Sang sống tại 1 căn nhà thuê. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 13/02/2014, Sang đến nhà chị Lương ăn cơm, tại đây, có cháu Đặng Lê Thanh Hoàng, anh Lê Trọng Bắc và ba cha con anh Trần Văn Thành. Sau khi ăn xong, anh Trần Văn Thành và hai người con về trước, còn Sang, chị Lương và anh Bắc ngồi nói chuyện thì giữa Sang và chị Lương xảy ra mâu thuẫn về việc nợ nần tiền bạc trước đó. Sang yêu cầu chị Lương trả 20.000.000 đồng tiền Sang mượn giúp chị Lương thì được chị Lương chỉ về phía 05 can dầu DO để trước sân và ý nói rằng đó tiền trả nợ. Cùng lúc đó có chị Bé mang 02 vỏ can đến lấy dầu. Khi chị Bé đang đổ dầu vào can thứ hai thì Sang đuổi chị Bé về và dắt xe mô tô của chị bé ra khỏi cổng. Sau đó, Sang dắt xe mô tô của mình ra khỏi cổng rồi lấy 01 chiếc khăn trong cốp xe nhúng vào một can dầu và bật quẹt đốt chiếc khăn. Chị Lương đến rút chiếc khăn ra khỏi can dầu đồng thời dập tắt lửa trên chiếc khăn. Sang tiếp tục đi đến chiếc mô tô của mình lấy ổ khóa để khóa cổng lại rồi đạp đổ 02 can dầu làm dầu DO chảy lan trong sân. Thấy vậy, anh Bắc chạy đến giằng lấy hộp quẹt trên tay nhưng không được, Sang tiếp tục đốt cháy chiếc khăn rồi ném về phía chị Lương đang đứng phá chiếc khóa cổng. Khi lửa bùng cháy, chị Lương, anh Bắc và cháu Hoàng trèo tường rào để thoát ra ngoài và bị thương nhẹ ở tay và chân. Lúc này, Sang vào nhà lấy chăn nhúng nước dập lửa nhưng không được nên

bỏ chạy vào trong để tìm lối thoát và được anh Bắc dùng xà beng phá cửa thông gió để thoát ra ngoài. Đến 17 giờ cùng ngày, Sang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt giữ. Tài sản bị thiêu cháy gồm: căn nhà cấp 4; 01 xe mô tô hiệu Airblade biển số 60Z3-1590; 02 chiếc xe đạp và một số vật dụng gia đình.

Tại bản kết luận giám định số 57 ngày 21/3/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Nguyên nhân cháy do tác động của con người dùng chất môi cháy (xăng, dầu), rồi sử dụng nguồn nhiệt gây cháy và gây cháy lan. Tại bản Kết luận định giá tài sản: 01 xe mô tô trị giá 20 triệu đồng; 01 tivi trị giá 5 triệu đồng; 01 (một) căn nhà trị giá 162.800.000 đồng, tổng là 187.800.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định căn nhà bị cháy, 01 ti vi và một số đồ dùng trong gia đình là tài sản chung của Sang và chị Lương. Xe mô tô hiệu Airblade là tài sản của chị Lê Thị Tình (em gái chị Lương) gửi cho chị Lương quản lý, sử dụng.

Cáo trạng số 141 ngày 11/12/2014 của VKSND tỉnh Đồng Nai đã truy tố Đặng Thanh Sang về các tội “Giết người” và “Hủy hoại tài sản” theo điểm n, l khoản 1 Điều 93; Điều 18; khoản 1 Điều 143 BLHS.

Trong quá trình xét xử vụ án, Luật sư bào chữa cho bị cáo Sang có quan điểm bào chữa cho rằng: việc các cơ quan tiến hành tố tụng truy tố, xét xử bị cáo Sang về tội “Giết người” với hai tình tiết định khung hình phạt tăng nặng tại các điểm n, l, khoản 1 Điều 93 BLHS là không thỏa đáng. Đối với hành vi giết người, ý thức của bị cáo Sang là không nhằm tước đoạt tính mạng của ai mà hành động do bị bức xúc trong việc mâu thuẫn nợ với chị Lương. Khi lửa cháy chị Lương vẫn có thể thoát ra ngoài, việc chết người không xảy ra, do vậy việc, cần xác định rõ thương tích của chị Lương để làm căn cứ truy cứu TNHS. Do vậy, không đủ cơ sở xác định Sang phạm tội “Giết người” mà nếu có tội là tội “Cố ý gây thương tích” căn cứ vào tỷ lệ giám định thương tật của người bị hại là chị Lương. Đối với hành vi hủy hoại tài sản, cơ quan điều tra, truy tố chưa làm rõ chiếc xe mô tô bị đốt cháy là tài sản của ai mà chỉ căn cứ vào lời khai của chị Lương, chị Tình để xác định đây là tài sản của chị Tình là thiếu căn cứ.

Tuy nhiên, HĐXX sơ thẩm đã nhận định: xuất phát từ việc mẫu thuẫn tiền nợ với chị Lương, bị cáo đã có hành vi khóa cổng, sử dụng dầu là chất lỏng dễ cháy đốt tại sân nhà, nơi chị Lương đang cố tình dùng búa phá khóa cổng chạy thoát thân. Đối với hành vi này, ý thức của bị cáo muốn tước đoạt tính mạng của chị Lương đã thể hiện rõ. Trước khi sử dụng dầu là nhiên liệu lỏng đốt, bị cáo đã sử dụng khóa khóa cổng lại, đổ dầu rồi ném lửa về phía chị Lương, chị Lương chạy thoát được ra ngoài là do được sự hỗ trợ, cứu giúp của anh Bắc trong khi bị cáo bỏ mặc hậu quả. Do vậy bị cáo Sang đã phạm tội “Giết người” (chưa đạt) với hai tình tiết định khung hình phạt tăng nặng là bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người và có tính chất côn đồ theo quy định tại các điểm l, n khoản 1 Điều 93 BLHS.

Đối với hành vi hủy hoại tài sản, thì tài sản bị đốt cháy được xác định thuộc quyền sở hữu của chị Tình chỉ có 01 chiếc xe mô tô hiệu AirBlade có giá trị 20.000.000 đồng; các tài sản còn lại là của bị cáo Sang nên bị cáo Sang chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi hủy hoại chiếc xe mô tô của chị Tình theo quy định tại khoản 1 Điều 143 BLHS.

Tác giả đồng tình với quan điểm của HĐXX sơ thẩm. Trong vụ án này, chỉ bằng một hành vi sử dụng dầu Do để đốt nhà, bị cáo Đặng Thanh Sang đã bị TAND tỉnh Đồng Nai kết án về 02 Tội “giết người” (chưa đạt) và “hủy hoại tài sản”. Bản án số 58/2015/HSST ngày 07/7/2015 của TAND tỉnh Đồng Nai áp dụng các điểm l, n khoản 1 Điều 93; khoản 1 Điều 143; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 18; Điều 47; điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS, xử phạt Sang: 09 (Chín) năm tù về tội “Giết người” (chưa đạt); 10 (Mười) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”.

Trong thực tiễn xét xử thời gian qua cho thấy tình hình phạm pháp hình sự trên địa bàn có những diễn biến phức tạp, nhiều vụ án thuộc trường hợp phạm nhiều tội tư tưởng đã xảy ra, gây hậu quả thiệt hại lớn.

Khoảng tháng 5/2003, Nguyễn Đức Chính đến phụ bán quán rượu cho ông Thịnh thị trấn Định Quán, huyện Định Quán nên quen biết anh Nguyễn Văn Tuyển mở cửa hàng mắt kính bên cạnh. Ngày 15/10/2003, lợi dụng ông Thịnh sơ hở, Chính đã lấy trộm số tiền 2.000.000đ, rồi vào cửa hàng mắt kính lấy trộm 20 chiếc

kính đeo mắt và 01 máy đo mắt của anh Tuyến mang đi bán được 800.000đ để tiêu xài, sau đó xuống thành phố Biên Hòa làm thuê. Khoảng 22 giờ ngày 25/11/2003, Chính bắt xe từ Biên Hòa đến thị trấn Định Quán với mục đích đột nhập cửa hàng của anh Tuyến để trộm tài sản nhưng cửa khóa nên không vào được. Chính gọi anh Tuyến xin ngủ nhờ và được anh Tuyến đồng ý. Khi nằm nói chuyện anh Tuyến nói biết người trộm tài sản mất kính và sẽ nói cho ông Thịnh biết. Khoảng 02 giờ ngày 26/11/2013, Chính sợ ông Thịnh biết chuyện trộm cắp trước đó sẽ làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của gia đình nên nảy sinh ý định giết anh Tuyến. Khi thấy anh Tuyến ngủ say, Chính dùng 01 cây gỗ dài 1m, đập mạnh 01 cái vung thái dương làm anh Tuyến bất tỉnh, rồi đè lên người để bóp cổ anh Tuyến. Khi anh Tuyến tỉnh dậy van xin, Chính tiếp tục dùng cây đánh ba đến bốn nhát vào đầu, khi thấy anh Tuyến thở ra nhiều bọt khí ở mũi Chính tiếp tục lấy dây điện buộc vào ngón chân cắm vào nguồn điện để anh Tuyến chết hẳn. Sau đó Chính chiếm đoạt 01 điện thoại di động Nokia, lấy 2 triệu đồng rồi bỏ đi về thành phố Biên Hòa. Quá trình làm thuê tại nhà hàng Bí Đỏ của chị Nguyễn Thị Thúy Hương, ngày 4/8/2012 Chính được chị Hương giao xe hiệu Attila (trị giá 19 triệu) sử dụng, Chính đã lấy xe rồi bỏ trốn đi làm thuê ở một số tỉnh phía Bắc. Ngày 28/8/2012 chính bị Công an thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái bắt giữ theo lệnh truy nã của Công an tỉnh Đồng Nai.

Trong vụ án này, mục đích của bị cáo Chính khi về thị trấn Định Quán là để đột nhập vào cửa hàng của anh Tuyến trộm cắp tài sản nhưng không thực hiện được. Khi bị cáo tiếp cận anh Tuyến thì biết việc anh Tuyến đã biết bị cáo trộm cắp tài sản trước đây, sợ bị phát hiện sẽ làm ảnh hưởng đến uy tín danh dự của gia đình nên đã nảy sinh và thực hiện ý định giết anh Tuyến và chiếm đoạt tài sản của anh Tuyến. Như vậy, bằng hành vi dùng vũ lực, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi giết người đến cùng nhằm che dấu hành vi phạm tội trước đó và chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Trong trường hợp này, hậu quả của hành vi dùng vũ lực đã cấu thành hai Tội “cướp tài sản” và “giết người”. Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2013/HSST ngày 30/8/2013 của TAND tỉnh Đồng Nai đã nhận định hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, thực hiện quyết liệt nhằm thực hiện tội phạm đến cùng nên căn

cứ điểm e, g khoản 1 Điều 93, điểm d, khoản 2 Điều 133, điểm e Điều 48, Điều 50 BLHS kết án Nguyễn Đức Chính tử hình về Tội “giết người” và 10 năm tù về Tội “cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội là tử hình.

Trên cơ sở thống kê số liệu các vụ án thuộc trường hợp phạm nhiều tội về nhóm tội phạm “Giết người” và “Cướp tài sản” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong thời gian qua xảy ra khá nhiều, với tính chất mức độ nguy hiểm rất cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình và được sự quan tâm của dư luận xã hội. Tuy nhiên, qua phân tích việc áp dụng pháp luật trong một số trường hợp vẫn cụ thể cho thấy vẫn còn sự bất cập, chưa thống nhất trong việc áp dụng tình tiết định khung để xử lý về tội cướp tài sản trong các vụ án phạm nhiều tội gồm: giết người và cướp tài sản.

Vụ án bị cáo Trần Duy Hải, vào khoảng thời gian 05 giờ ngày 14/11/2015, tại khu vực rẫy cà phê của gia đình ông Đinh Quang Thịnh thuộc ấp Ngọc Lâm 3, xã Phú Xuân, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Trần Duy Hải đã có hành vi sử dụng các hung khí nguy hiểm là đá cục, mũ bảo hiểm, cây gỗ đánh liên tiếp vào vùng đầu, vùng mặt ông Thóng A Pênh nhằm tước đoạt tính mạng nạn nhân để chiếm đoạt tài sản. Khi người bị hại kêu cứu, bị cáo Trần Duy Hải còn dùng tay bóp vào vùng cổ nạn nhân. Nghi ngờ người bị hại chết, bị cáo Hải thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản gồm: 6.900.000 đồng tiền mặt; 01 chiếc điện thoại di động trị giá 150.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô hai bánh trị giá 5.600.000 đồng; 06 tờ vé xổ số kiến thiết người bị hại mua chưa có kết quả với số tiền 60.000 đồng, tổng trị giá là 12.710.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Trần Duy Hải nhận thức được và cho rằng người bị hại đã chết nhưng người bị hại không chết là ngoài ý muốn của bị cáo, do đó Trần Duy Hải đã bị truy tố về tội “Giết người” (chưa đạt) và “Cướp tài sản”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2016/HSST ngày 29/6/2016 của TAND tỉnh Đồng Nai đã kết án bị cáo Trần Duy Hải phạm các tội “Giết người” (chưa đạt) và “Cướp tài sản”. Áp dụng điểm g, khoản 1 Điều 93; Điều 18; khoản 1 Điều 133; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm e khoản 1 Điều 48; điểm a khoản 1 Điều

50 BLHS xử phạt bị cáo Trần Duy Hải 16 (Mười sáu) năm tù về tội “Giết người” (chưa đạt); 04 (Bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo Trần Duy Hải phải chấp hành là 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/11/2015.

Vấn đề định tội danh và áp dụng hình phạt đề xử lý đối với các bị cáo trong các vụ án trên tác giả không đặt ra, chỉ đề cập đến việc Hội đồng xét xử sơ thẩm trong vụ án Nguyễn Đức Chính đã áp dụng tình tiết định khung tăng nặng là “dùng hung khí nguy hiểm” là cây gỗ dài 1m trong việc thực hiện hành vi của tội cướp tài sản là điểm d, khoản 2 Điều 133 BLHS. So sánh với việc xử lý về hành vi dùng hung khí trong vụ án Trần Duy Hải khi sử dụng hung khí nguy hiểm là đá cục, mũ bảo hiểm, cây gỗ tấn công người bị hại nhưng chỉ bị truy tố và xét xử theo khoản 1 Điều 133 BLHS. Ở đây bằng một hành vi duy nhất, bị cáo đã thực hiện hai tội độc lập với nhau được quy định tại Điều 93 và Điều 133 của BLHS năm 1999 nhưng việc áp dụng tình tiết định khung trong tội cướp tài sản của Hội đồng xét xử của TAND tỉnh Đồng Nai qua các vụ án trên là khác nhau. Đây cũng là một vấn đề bất cập cần đặt ra để nghiên cứu và thống nhất áp dụng.

Thực tiễn định tội danh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, trường hợp phạm nhiều tội tư tưởng (tổng hợp trừu tượng) xâm hại đến các khách thể cùng loại là những trường hợp trong đó các tội phạm cùng xâm phạm những khách thể giống nhau được quy định tại một điều luật của BLHS và được thực hiện bởi hình thức lỗi giống nhau, khi định tội danh trong trường hợp này các cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh Đồng Nai đã thực hiện định tội danh là nhiều tội độc lập *Ví dụ*: vụ án một người mua bán trái phép chất ma túy và bị bắt, khi khám nhà phát hiện người đó còn tàng trữ một lượng ma túy nhất định. Trong trường hợp này, người phạm tội phải bị định tội danh và truy tố về hai tội: mua bán trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy đều theo Điều 194 BLHS. Còn trường hợp phạm nhiều tội tổng hợp trừu tượng xâm hại đến các khách thể khác loại là những trường hợp mà trong đó các tội phạm xâm phạm đến những khách thể khác nhau được quy định tại

các điều luật khác nhau của BLHS và được thực hiện bởi hình thức lỗi giống nhau hoặc khác nhau.

Đối với một số trường hợp phạm tội, khi hành vi khách quan nguy hiểm cho xã hội bị luật hình sự cấm, được con người thực hiện một cách có lỗi dưới hình thức cố ý hay vô ý, tác động đến bằng hành động hay không hành động thông qua các yếu tố chủ quan (lỗi), thì hành vi đó mang tính chất lỗi trở thành hành vi phạm tội và chính vì vậy, dẫn đến hậu quả đến đâu thì người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Cũng theo lý luận luật hình sự và trong thực tiễn xét xử cho thấy các trường hợp phạm tội thuộc hình thức phạm nhiều tội tư tưởng không những chỉ trong trường hợp khi các tội phạm đã hoàn thành, mà còn cả những trường hợp có tội đang ở giai đoạn chuẩn bị hay phạm tội chưa đạt, còn tội khác đã hoàn thành hoặc là cả hai tội đều chưa hoàn thành, hành vi đó có thể xâm phạm đến cùng một khách thể của luật hình sự.

Vũ Văn Mạnh và chị Mai Thị Ngọc chung sống không đăng ký kết hôn và có 01 con trai tên Vũ Nhật Minh, sinh ngày 28/7/2010. Mạnh và chị Ngọc thuê phòng trọ số 9, E23, tổ 3, khu phố 5, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai để ở. Do có mâu thuẫn tình cảm với chị Ngọc, khoảng 21 giờ ngày 04/6/2012 Mạnh và chị Ngọc cãi nhau, Mạnh đã đe dọa giết chết cháu Minh nên xuống bếp lấy 01 con dao Thái lan dài 25 cm đe dọa đâm chết cháu Minh. Nghe tin Mạnh và chị Ngọc cãi nhau, mẹ của chị Ngọc là bà Nguyễn Thị Lái và người cháu là Nguyễn Văn Biên đến phòng trọ của chị Ngọc yêu cầu Mạnh mở cửa để nói chuyện nhưng Mạnh không cho mở cửa mà nói sẽ đâm chết cháu Minh rồi đi ở tù. Mạnh cầm dao lao đến đâm cháu Minh nhưng không trúng, chị Ngọc vội ôm cháu Minh và dùng thân che chắn cho cháu Minh, Mạnh vẫn tiếp tục dùng dao đâm nhiều nhất trúng cả hai mẹ con, đâm trúng người cháu Minh (01 nhất trúng ngực trái, 03 nhất trúng vai phải) và trúng người (tay và đùi) chị Ngọc, hậu quả tỷ lệ thương tật (toàn bộ) của cháu Minh là 7%, chị Ngọc là 11%.

Cáo trạng số 3109/CT-VKS-P1A ngày 06/12/2012 của VKSND tỉnh Đồng Nai truy tố Vũ Văn Mạnh về tội “Giết người” quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 93, Điều 18 BLHS và tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 104 BLHS.

Hành vi của bị cáo Mạnh sử dụng hung khí (là con dao Thái lan dài 25 cm) đâm nhiều nhát vào người cháu Minh thể hiện ý thức muốn tước đi sinh mạng của cháu Minh như lời Mạnh đã hăm dọa. Khi chị Ngọc dùng thân che chắn cho cháu Minh, Mạnh vẫn tiếp tục dùng dao đâm nhiều nhát vào người cháu Minh và chị Ngọc. Khi phân tích hành vi phạm tội của Mạnh đối với chị Ngọc, tuy Mạnh không có ý định gây thương tích cho chị Ngọc nhưng Mạnh biết rõ việc sử dụng dao Thái Lan đâm vào người cháu Minh là rất nguy hiểm, chị Ngọc dùng thân che chắn cho cháu Minh thì rất có thể sẽ bị thương nếu Mạnh không dừng lại, thực tế Mạnh đã không dừng lại và thực hiện hành vi quyết liệt hơn dẫn đến gây ra thương tích cho cả cháu Minh và chị Ngọc. Do vậy, căn cứ vào hành vi thực hiện tội phạm đối với cháu Minh, Mạnh bị kết án về tội “Giết người” (chưa đạt) quy định điểm c, khoản 1 Điều 93, Điều 18 BLHS; hành vi vi phạm đối với chị Ngọc, Mạnh bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích” khoản 2 Điều 104 BLHS theo Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2013/HSST ngày 28/3/2013 của TAND tỉnh Đồng Nai.

Như vậy, trong vụ án này chỉ bằng một hành vi dùng hung khí đâm người khác nhưng Mạnh đã bị truy tố và xét xử về 2 tội danh là “Giết người” (chưa đạt) và tội “Cố ý gây thương tích”.

Trong quá trình định tội danh, các cơ quan tiến hành tố tụng cũng rất chú trọng việc đánh giá hành vi khách quan, khi có một hành vi phạm tội còn có thể vừa thỏa mãn một cấu thành tội phạm cụ thể này và vừa thỏa mãn tình tiết định khung của một tội khác. Như hành vi hành hung để tẩu thoát sau khi trộm cắp tài sản của công dân đã gây thương tích nặng cho chủ sở hữu tài sản. Trong trường hợp này, hành vi hành hung vừa thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của Tội “cố ý gây thương tích” (Điều 104 BLHS năm 1999), vừa thỏa mãn dấu hiệu của khung tăng nặng Tội “trộm cắp tài sản” (điểm d, khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999). Trong một số vụ

án cụ thể, các cơ quan tố tụng của tỉnh Đồng Nai đã có sự bàn bạc, phân tích đánh giá để thống xác định vụ việc thuộc trường hợp phạm 01 tội hay nhiều tội.

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đối với một số tội xâm phạm sở hữu trong đó có tội có tội cướp giật tài sản, có các tình tiết định khung như: “hành hung để tẩu thoát”, “gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” hoặc “làm chết người”... cũng là một vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn. Trong thực tế cơ quan tiến hành tố tụng đã rất lúng túng khi áp dụng tình tiết này trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Vấn đề đặt ra đối với các tình tiết định khung “gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” hoặc “làm chết người” trong tội cướp giật tài sản thì đó là trường hợp do chính hành vi cướp giật tài sản trực tiếp gây ra. Tuy nhiên, trong trường hợp này nếu hành vi phạm tội thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của tội cố ý gây thương tích hoặc tội giết người thì người thực hiện hành vi phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự thêm về tội cố ý gây thương tích hay tội giết người không?

Trong nhiều trường hợp trên thực tiễn khi xử lý các đối tượng tội phạm về chỉ về một tội danh còn thấy chưa thỏa đáng, vẫn còn nhiều quan điểm tranh luận về việc phạm nhiều tội hay một tội như vụ án sau:

Vụ án bị cáo Nguyễn Văn Tài, khoảng 22 giờ ngày 14/7/2014 các đối tượng Trần Văn Hùng, Nguyễn Văn Tài và Lâm Văn Nghĩa rủ nhau đi cướp giật. Hùng điều khiển xe Dream không rõ biển số chở Tài, còn Nghĩa chạy xe Wave gắn biển số giả. Trước khi đi cả bọn bàn bạc, thống nhất xe đi trước thấy người có tài sản thì tiếp cận để giật, còn xe sau có nhiệm vụ cản trở những người đuổi theo. Khi cả nhóm lưu thông trên đường Đồng Khởi, từ hướng đường 768 về ngã tư Amata. Hùng và Tài phát hiện ông Huỳnh Thanh Liêm đang điều khiển xe Honda hiệu Lead phía sau chở bà Lê Thị Lan. Bà Lan đeo 01 giỏ xách màu trắng trên vai phải. Hùng nói với Tài bám theo để Tài giật giỏ xách. Khi còn cách ngã tư Amata khoảng 20 m Hùng tăng ga, cho xe ép sát vào bên phải xe của ông Liêm, còn Tài ngồi sau dùng tay trái giật giỏ xách trên vai bà Lan. Lấy được giỏ xách cả bọn bỏ chạy. Do bà Lan bị giật mạnh giỏ xách từ phía sau nên ông Liêm bị lạc tay lái xe lao vào hệ thống

thoát nước trên lề đường bên phải, làm xe ông Liêm té ngã, dẫn đến bà Lan tử vong (do chấn thương sọ não) còn ông Liêm bị thương tích với tỷ lệ 24%. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Văn Tài bị bắt giữ, Trần Văn Hùng và Lâm Văn Nghĩa đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã.

Các cơ quan tố tụng tỉnh Đồng Nai đã truy tố và xét xử Nguyễn Văn Tài về tội Cướp giật tài sản theo Điểm a, khoản 4 Điều 136 BLHS. Theo quan điểm của HĐXX sơ thẩm TAND tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn Tài đã có hành vi giật giỏ xách trên vai bà Lê Thị Lan đang ngồi sau xe mô tô do ông Huỳnh Thanh Liêm chở. Hành vi giật giỏ xách của Tài làm ông Liêm bị lạc tay lái đâm vào hệ thống thoát nước và bị ngã. Bà Lan bị chấn thương sau đó đã tử vong, ông Liêm bị thương tích với tỷ lệ thương tật là 24%. Hành vi của bị cáo Tài đã phạm Tội cướp giật tài sản thuộc trường hợp làm chết người được quy định tại Điểm a, khoản 4 Điều 136 BLHS.

Tuy nhiên, có quan điểm không đồng tình với quan điểm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong vụ án trên khi chỉ truy tố, xét xử bị cáo Tài về một tội. Trong vụ án này Tài đã có hành vi giật giỏ xách của bà Lan đang ngồi sau xe mô tô do ông Liêm chở, chính hành vi này đã gây ra hậu quả bà Lan tử vong và ông Liêm bị thương tích với tỷ lệ thương tật 24%. Bên cạnh đó, khi thực hiện hành vi giật giỏ xách của bà Lan thì bị cáo Tài hoàn toàn có thể nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước được hậu quả có thể làm cho người bị hại bị thương tích hoặc tử vong từ chính hành vi của mình, tuy không mong muốn nhưng Tài có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra. Thực tế hậu quả thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tinh thần của người bị hại đã xảy ra. Do vậy, cần thiết phải truy cứu TNHS đối với Nguyễn Văn Tài về 3 Tội “cướp giật tài sản” Điều 136; “giết người” Điều 93 và “có ý gây thương tích” Điều 104 BLHS.

Quan điểm của cá nhân: đồng tình với quan điểm là cần phải truy cứu TNHS đối với Nguyễn Văn Tài về 3 Tội “cướp giật tài sản” Điều 136; “giết người” Điều 93 và “có ý gây thương tích” Điều 104 BLHS.

Khi nghiên cứu một số tội phạm về xâm phạm sở hữu nhận thấy, về mặt lý luận tình tiết định khung “hành hung để tẩu thoát” là trường hợp mà khi thực hiện

hành vi cướp giật tài sản người phạm tội đã có hành vi dùng vũ lực nhằm mục đích chống lại sự bắt giữ và tẩu thoát. Khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản người phạm tội đã có hành vi dùng vũ lực nhằm mục đích để tẩu thoát nhưng hành vi đó lại cấu thành tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc tội giết người thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tội cướp giật tài sản với tình tiết định khung tăng nặng “hành hung để tẩu thoát” và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc tội giết người mới phản ánh đầy đủ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Việc áp dụng các tình tiết định khung “gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” hoặc “làm chết người”, cũng như tình tiết định khung “hành hung để tẩu thoát” trong thực tiễn áp dụng pháp luật còn gặp nhiều khó khăn. Các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật còn có sự bất cập, cũng do không xác định đúng nội hàm của các tình tiết định khung đã nêu. Trong từng vụ việc không đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Vấn đề đặt ra là phải đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội. Trong hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc hành vi làm chết người là lỗi vô ý thì chỉ xét xử một tội cướp giật tài sản. Trong trường hợp hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác hoặc hành vi làm chết người là lỗi cố ý thì chúng ta phải xét xử hai tội mới phản ánh đầy đủ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Định tội danh là một vấn đề rất quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hoá hình phạt một cách công minh, chính xác, đồng thời làm cơ sở cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xác định thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng... bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi công dân, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ pháp chế XHCN. Việc định tội danh sai sẽ dẫn đến hậu quả rất lớn, đặc biệt là không đảm bảo được tính có căn cứ của hình phạt được tuyên, xét xử không đúng người đúng tội, không đúng pháp luật. Điều này làm ảnh

hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật và không đạt được hết tính trừng trị tội phạm của hình phạt.

Kết luận chương 2

Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm tiếp tục diễn biến phức tạp, gia tăng số vụ, số người phạm tội, phương thức, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng của tỉnh Đồng Nai đã có nhiều nỗ lực, tích cực đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh trật tự. Về cơ bản, hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự cơ bản đã bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Các cơ quan tiến hành tố tụng đã áp dụng nhiều biện pháp để chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, thiếu sót trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, nhờ đó tình hình oan, sai đã được hạn chế đáng kể so với trước đây. Tuy nhiên, qua việc phân tích đánh giá tình hình thực tiễn định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội, kể cả phạm nhiều tội thực tế và phạm nhiều tội tư tưởng cũng đều vẫn còn có nhiều vướng mắc, bất cập. Trên cơ sở đánh giá một số sai sót của các cơ quan tố tụng nêu trên có thể xác định nguyên nhân chủ quan, khách quan như sau:

Một là, quy định của BLHS, BLTTHS hiện hành còn có nhiều bất cập. BLHS hiện hành chưa có quy định cụ thể về các trường hợp phạm nhiều tội và cũng chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng cụ thể nên dẫn đến cách hiểu chưa thống nhất giữa các cơ quan tố tụng.

Hai là, do nguyên nhân chủ quan từ chính đội ngũ người tiến hành tố tụng, năng lực chuyên môn của một số cán bộ còn thấp, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong hình hình hiện nay. Quá trình tranh tụng tại nhiều phiên toà còn hình thức, chủ yếu do lỗi chủ quan của Thẩm phán, Kiểm sát viên còn coi trọng “án tại hồ sơ”; Một bộ phận cán bộ tiến hành tố tụng còn yếu kém về phẩm chất, đạo đức, buông lỏng trách nhiệm công vụ.

Ba là, điều kiện làm việc, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật của cơ quan tư pháp, giám định tư pháp nhiều nơi và trên nhiều lĩnh vực còn thô sơ, lạc hậu; cơ sở giam, giữ còn chưa đáp ứng yêu cầu công tác. Quy định pháp luật về giám định tư pháp chưa hoàn thiện về quy chuẩn.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ĐỊNH TỘI DANH ĐÚNG TRONG TRƯỜNG HỢP PHẠM NHIỀU TỘI

3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện Bộ luật Hình sự và nâng cao hiệu quả định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội

Như chúng ta đã biết, khi xã hội càng hiện đại đời sống người dân ngày càng được nâng cao thì sự tôn trọng và bảo vệ các quyền con người cũng ngày càng được chú trọng. Trong đó, Nhà nước pháp quyền là một trong những tổ chức quyền lực ghi nhận và hiện thực hoá việc bảo vệ quyền con người.

Trong những năm qua, cùng với sự lớn mạnh của kinh tế thị trường, tình hình tội phạm cũng diễn ra hết sức phức tạp, đặc biệt là đối với những trường hợp phạm nhiều tội. Hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với nhóm tội phạm trong trường hợp này đã có những đóng góp quan trọng trong việc giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời bảo vệ các quyền và tự do của công dân bằng pháp luật hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền, góp phần nâng cao hiệu quả của pháp luật và pháp chế trong Nhà nước, cũng như uy tín của Toà án và các cơ quan bảo vệ pháp luật được nâng lên rõ rệt.

Tuy nhiên, do các quy phạm pháp luật được ghi nhận trong luật thực định còn tồn tại dưới dạng những văn bản rời rạc, thiếu thống nhất và còn mang tính chung chung trong khi thực tế những trường hợp phạm nhiều tội lại diễn ra với những tình tiết hết sức đa dạng, phức tạp, vì vậy hoạt động định tội danh trong những trường hợp này hiện nay còn gặp nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, yêu cầu đặt ra là cần phải nâng cao hiệu quả của hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Đây là yêu cầu mang tính cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Điều này còn xuất phát trên cơ sở những lý do sau:

Một là, về cải cách tư pháp, nâng cao hiệu quả của hoạt động tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh.

Hoạt động tư pháp là hoạt động của nhánh quyền lực Nhà nước thứ ba (quyền xét xử) trong toàn bộ hoạt động của bộ máy công quyền nhằm thực hiện chức năng bảo vệ những giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh thế giới tránh khỏi sự xâm hại của các văn bản pháp luật, góp phần khẳng định sự thắng lợi của các tổ chức pháp lý tiến bộ của nhân loại (công bằng, nhân đạo, dân chủ và pháp chế) cũng như của chính nghĩa đối với tàn bạo, của công lý đối với bất công, của cái thiện đối với cái ác, hỗ trợ đắc lực cho cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm. Đồng thời đưa ra các nguyên tắc được thừa nhận chung của Nhà nước pháp quyền vào đời sống thực tế và thúc đẩy sự phát triển chung của xã hội loài người.

Công cuộc cải cách tư pháp trong những năm qua được Đảng, Nhà nước ta hết sức quan tâm và được đặt trong mối quan hệ với việc đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, hướng tới nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 với mục tiêu xuyên suốt là *“Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao”*. Nhằm tạo sự chuyển biến mang tính đột phá trong cuộc đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Với tư cách là một công cụ sắc bén để bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, các quyền, lợi ích hợp pháp của tập thể và của cá nhân, pháp luật hình sự là một nội dung quan trọng trong chiến lược cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, do ban hành từ năm 1999, nên BLHS chưa có điều kiện để thể chế hoá được những quan điểm, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp được thể hiện trong

Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới” và Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”, trong đó một trong những nội dung quan trọng theo yêu cầu cải cách tư pháp, đó là: *“Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng hình sự, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội.”*

Chính sách pháp luật là vấn đề cơ bản trong xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa; Đảng, Nhà nước ta rất quan tâm và đang từng bước hoàn thiện. Chính sách pháp luật hình sự là một bộ phận của chính sách pháp luật, theo nghĩa chung nhất thì chính sách hình sự là chính sách về tội phạm và hình phạt, chính sách tổ chức đấu tranh phòng chống tội phạm. Chính sách hình sự và luật hình sự có quan hệ mật thiết vì chính sự hoàn chỉnh của chính sách hình sự là điều kiện để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của pháp luật hình sự.

Đối với quá trình xây dựng chính sách pháp luật cần chú ý đến tính chất khách quan của pháp luật. Nếu nhu cầu điều chỉnh pháp luật được phát hiện kịp thời và chính xác thì các quy định pháp luật được ban hành có ý nghĩa rất lớn, phát huy được hiệu lực và hiệu quả của nó. Ngược lại, khi có sự chậm trễ hoặc không chính xác thì kết quả có tác dụng ngược lại.

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật thời gian qua cho thấy tình hình phạm nhiều tội ngày càng trở lên phổ biến. Trong khi đó, BLHS chưa có quy định về các khái niệm “nhiều tội phạm”, “phạm tội nhiều lần”, “phạm nhiều tội” nên trong thực tiễn chưa có cách hiểu thống nhất; quy định của pháp luật còn nhiều bất cập, chưa cụ thể trong khi thực tế những trường hợp phạm nhiều tội lại diễn ra với những tình tiết hết sức phức tạp. Chính sự bất cập của pháp luật đã ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đảng ta đã đề ra phương hướng cho cuộc cải cách tư pháp, nhất là trong lĩnh vực tư pháp hình sự, đó là hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, đảm bảo tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và

bảo vệ quyền con người. Việc hoàn thiện những quy định của BLHS là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng mà Đảng đã đề ra với công cuộc cải cách tư pháp. Việc sửa đổi, bổ sung BLHS phải trên cơ sở thực tiễn áp dụng trong những năm vừa qua mới đảm bảo yêu cầu cải cách tư pháp phải xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc; gắn với đổi mới công tác lập pháp, cải cách hành chính.

Trong quá trình thực hiện cải cách tư pháp, việc xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ tư pháp là một trong những nhiệm vụ trọng tâm.

Thực tiễn cho thấy hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung còn nhiều hạn chế. Đánh giá về công tác tư pháp vào thời điểm năm 2002, Đảng ta đã chỉ rõ: *"Chất lượng công tác tư pháp nói chung chưa ngang tầm với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân; còn nhiều trường hợp bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm các quyền tự do, dân chủ của công dân, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và các cơ quan tư pháp"*. Những tồn tại, hạn chế nêu trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân từ công tác cán bộ.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã xác định phương hướng cải cách tư pháp như sau: *"Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hóa tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ; tiến tới thực hiện thi tuyển đối với một số chức danh"*. Nghị quyết cũng xác định một trong những nhiệm vụ cải cách tư pháp là: *"Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và bổ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh"*.

Như vậy, việc xây dựng đội ngũ người tiến hành tố tụng với phẩm chất đạo đức trong sạch, năng lực chuyên môn cao phải trên tinh thần phương hướng nhiệm vụ cải cách tư pháp mà Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra. Để làm được điều đó thì việc kiện toàn đội ngũ cán bộ tư pháp phải theo hướng hoàn thiện tiêu chuẩn của các chức danh Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm.

Tiêu chuẩn phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ, tránh tình trạng đề đáp ứng về số lượng người tiến hành tố tụng mà không quan tâm đến hiệu quả lâu dài. Tiêu chuẩn phải cụ thể, phản ánh được về phẩm chất đạo đức cũng như năng lực chuyên môn của họ, phải là những người có bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng, có tinh thần trách nhiệm với công việc cao, phải có kiến thức về pháp luật, nghiệp vụ sâu rộng. Phải thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ những người tiến hành tố tụng. Phải đảm bảo đủ về số lượng những người tiến hành tố tụng, tránh trường hợp tạo ra những áp lực do quá tải trong hoạt động tố tụng hình sự. Để đảm bảo được số lượng người tiến hành tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra thì cần phải có chế độ tiền lương thích hợp và những chính sách nhất định đối với những người tiến hành tố tụng hình sự. Ngoài ra quá trình tuyển dụng phải được tăng cường, tiến hành một cách thường xuyên liên tục, phải có chương trình, kế hoạch tuyển dụng. Tránh tình trạng tuyển dụng một cách tràn lan, tuyển dụng không phù hợp dẫn đến chỗ thì thừa, chỗ thì thiếu. Tuyển dụng không có chiến lược sẽ dẫn đến tình trạng có giai đoạn thừa, có giai đoạn hụt hẫng về những người tiến hành tố tụng hình sự.

Khi đánh giá về việc thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, tại Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị đã có một số đánh giá về công tác cán bộ tư pháp trong đó nhấn mạnh những hạn chế, yếu kém của công tác này *“vẫn còn một số cán bộ tư pháp phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu. Tình trạng một bộ phận cán bộ tư pháp những nhiều, tiêu cực chưa giảm, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân vào chất lượng hoạt động tư pháp”*.

Để xây dựng được đội ngũ cán bộ tư pháp, đặc biệt là đội ngũ người tiến hành tố tụng thật sự trong sạch, vững mạnh cần phải có sự đổi mới toàn diện, sâu sắc trên tất cả các khâu công tác: Tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quản lý, giáo dục, rèn luyện cán

bộ, thực hiện chính sách cán bộ... Đây là công việc khó khăn, phức tạp đòi hỏi sự cố gắng, nỗ lực chung của các cấp ủy Đảng, các ngành, các cấp.

Hai là, yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung có một vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm đang có những diễn biến phức tạp, các trường hợp phạm nhiều tội gia tăng, trong tổng số các vụ án hình sự đã thụ lý giải quyết, nhất là các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt ...đã làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

So với trường hợp người phạm tội thực hiện một tội phạm thì trường hợp phạm nhiều tội thực hiện một số tội phạm xâm phạm đến nhiều khách thể được Luật Hình sự bảo vệ, gây ra những thiệt hại lớn hơn về mặt vật chất, thể chất và tinh thần. Nhiều hành vi phạm tội mang tính có hệ thống, liên tục trong việc thực hiện nhiều tội phạm chính tỏ rằng người phạm tội có mức độ nguy hiểm rất lớn cho xã hội. Biểu hiện của các hình thức phạm nhiều tội trong thực tế cũng đa dạng, phức tạp. Quá trình áp dụng pháp luật của các cơ quan tư pháp cơ bản đã đạt được kết quả nhất định trong việc đảm bảo giải quyết các vụ án được chính xác, xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tránh oan sai. Tuy nhiên, giải quyết đúng đắn vấn đề định tội danh và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội là một đòi hỏi đưa ra cho mỗi cán bộ tiến hành tố tụng. Định tội danh và quyết định hình phạt đúng đắn là một biểu hiện cụ thể của nhận thức sâu sắc và tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam. Do đó, yêu cầu đặt ra là sự cần thiết phải nâng cao hiệu quả của việc áp dụng những quy định của pháp luật về các trường hợp phạm nhiều tội, đáp ứng yêu cầu chung của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Ba là, yêu cầu khắc phục những hạn chế của hoạt động định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội trên thực tế.

Giai đoạn hiện nay, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vẫn diễn biến phức tạp, đặc biệt là đối với các trường hợp phạm nhiều tội: như giết người, cướp tài sản, trốn thuế, hiếp dâm... Trước tình hình đó, các cơ quan tiến hành tố tụng đã bám sát nhiệm vụ trọng tâm của từng ngành, tập trung chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ được giao góp phần giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo. Chất lượng của hoạt động định tội danh và quyết định hình phạt đối với trường hợp phạm nhiều tội về cơ bản được đảm bảo. Tuy vậy, hoạt động định tội danh trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự nói chung, vụ án thuộc trường hợp phạm nhiều tội nói riêng vẫn còn có những sai sót. Số vụ án hình sự có sai sót trong việc định tội danh dẫn đến bị hủy, sửa vẫn chiếm tỷ lệ đáng kể, tình trạng kết án oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm vẫn chưa được khắc phục. Thực tế áp dụng pháp luật còn nhiều khó khăn, vướng mắc chưa được kịp thời tháo gỡ. Các cơ quan tiến hành tố tụng chưa làm tốt công tác phối hợp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một số Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán chưa đáp ứng được yêu cầu.

Từ những yêu cầu trên, việc đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội là cần thiết và phải được thực hiện một cách đầy đủ và đồng bộ, có như vậy mới mang lại kết quả như mong muốn.

3.2. Kiến nghị hoàn thiện Bộ luật Hình sự quy định về định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội

Có thể nói, trong những năm gần đây tình hình phạm nhiều tội đang có diễn biến phức tạp. Cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và phạm nhiều tội nói riêng trong giai đoạn hiện nay là vấn đề phức tạp và khó khăn là trách nhiệm của toàn thể xã hội, đặc biệt là đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán trong các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Phạm nhiều tội với tính chất là một dạng của trường hợp nhiều (đa) tội phạm thuộc chế định tội phạm. Trong BLHS năm 1999, chưa có quy định độc lập về khai niệm phạm nhiều tội nên thiếu cơ sở pháp lý bảo đảm sự thống nhất trong định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội. Thuật ngữ “Phạm nhiều tội” chỉ mới được

đề cập trong chế định Quyết định hình phạt (Điều 50 BLHS năm 1999). Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu để đảm bảo nhận thức đúng đắn về khoa học và thực tiễn bản chất pháp lý của vấn đề này và từ đó xác định đường lối xử lý phù hợp có tác dụng tích cực trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay và trong thời gian tới vẫn là một yêu cầu của xã hội. Trên thực tiễn áp dụng trường hợp phạm nhiều tội cũng có nhiều dạng khác nhau, việc xử lý có nhiều trường hợp tương đối phức tạp do có những trường hợp hành vi của chủ thể nhất định đồng thời thoả mãn nhiều điều luật khác nhau quy định về cấu thành tội phạm, quy định về tình tiết định khung hoặc quy định về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Để làm căn cứ cho việc định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội vẫn cần nhất một hành lang pháp lý vững chắc để áp dụng pháp luật một cách có hiệu quả nhất. Vấn đề này mới được đề cập tại Thông tư liên tịch của TANDTC, BLHS năm 1985, 1999, các văn bản hướng dẫn của TANDTC và các báo cáo tổng kết ngành hàng năm...Tuy nhiên BLHS hiện hành đến nay vẫn chưa ghi nhận định nghĩa pháp lý của chế định này. Vì vậy, quá trình thực hiện định tội danh và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội gặp khó khăn, lúng túng nên cần tiếp tục nghiên cứu chế định phạm nhiều tội một cách có hệ thống đúng mức và cụ thể hơn trong thời gian sắp tới. Với tư cách là một chế định của luật hình sự, phạm nhiều tội cần được quy định trong BLHS Việt Nam. Đồng thời cần hoàn thiện theo hướng có những quy định cụ thể, đầy đủ về các trường hợp nhiều tội phạm và hạn chế bớt khả năng xảy ra trong thực tiễn áp dụng trường hợp phạm nhiều tội do một hành vi gây ra.

Do vậy, trước hết cần đưa khái niệm phạm nhiều tội cụ thể vào quy định của BLHS, đồng thời tác giả xin mạnh dạn đề xuất bổ sung điều luật về chế định Phạm nhiều tội này như sau:

Điều ... Phạm nhiều tội

Phạm nhiều tội là trường hợp người có nhiều hành vi phạm tội hoặc chỉ có một hành vi phạm tội nhưng đã thoả mãn nhiều cấu thành tội phạm khác nhau

chưa bị xét xử về những tội phạm này và nay đưa ra xét xử cùng một lần về các tội phạm đó.

Với kiến nghị bổ sung quy định về phạm nhiều tội với ý nghĩa là một dạng của tội phạm như đã nêu trên đã làm rõ được các dấu hiệu và các trường hợp phạm nhiều tội. Khái niệm phạm nhiều tội nêu trên đã chỉ rõ một dấu hiệu quan trọng của phạm nhiều tội thể hiện ở việc một người đã phạm nhiều tội và các tội phạm đó chưa bị xét xử, nay đưa ra xét xử cùng một lần. Khái niệm trên cũng là cơ sở phân biệt phạm nhiều tội với trường hợp có nhiều bản án. Khái niệm phạm nhiều tội như đã nêu cũng đã chỉ ra hai trường hợp phạm nhiều tội: phạm nhiều tội tổng hợp thực tế và phạm nhiều tội tổng hợp trừu tượng. Quy định khái niệm “phạm nhiều tội” trong chế định tội phạm mới phản ánh đúng bản chất của hiện tượng này và là cơ sở pháp lý cho việc xác định phạm nhiều tội trong thực tiễn định tội danh.

3.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội

3.3.1. Tăng cường hướng dẫn áp dụng pháp luật

Kết quả phân tích và đánh giá thực tiễn định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội tại tỉnh Đồng Nai cho thấy, một trong những nguyên nhân đưa đến những sai sót trong định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội là do những vướng mắc của thực tiễn chưa được kịp thời giải thích nhằm bảo đảm sự thống nhất trong thực tiễn định tội danh. Vướng mắc khá phổ biến là sự nhận thức và đánh giá chưa thống nhất về tính chất nguy hiểm của hành vi trong một số trường hợp phạm nhiều tội mà tội này là thủ đoạn, phương pháp thực hiện tội phạm kia hoặc là giai đoạn chuẩn bị phạm tội kia. Thực tiễn định tội danh phạm nhiều tội tại Đồng Nai cho thấy khá phổ biến trường hợp phạm nhiều tội như: giết người và cướp tài sản; giết người và hiếp dâm; sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và giết người hoặc cố ý gây thương tích (Biểu 2.2 của luận văn). Tác giả cho rằng những trường hợp này đều nguy hiểm cao cho xã hội nên cần định tội danh là phạm nhiều tội. Để bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật trong định tội danh đối với “phạm

nhieu tội”, tác giả cho rằng nên tổng kết thực tiễn định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội và đưa ra danh mục các trường hợp phổ biến của phạm nhiều tội.

Các cơ quan có thẩm quyền cần chú trọng trong việc ban hành những văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật như Thông tư liên ngành, Nghị quyết, công văn hướng dẫn thực hiện luật và hướng dẫn việc áp dụng phạm nhiều tội đối với mỗi tội danh một cách thống nhất nhằm giải quyết những khó khăn trong thực tiễn áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng. Tức là hoàn thiện theo hướng có những quy định cụ thể, cần thiết về các trường hợp phạm nhiều tội và đảm bảo việc hạn chế bớt khả năng xảy ra trong thực tế áp dụng trường hợp phạm nhiều tội do một hành vi (là trường hợp phạm nhiều tội tổng hợp trừu tượng).

Đồng thời các cơ quan hữu quan cần thường xuyên tổ chức các cuộc họp liên ngành, các hội nghị tổng kết rút kinh nghiệm trong thực tiễn giải quyết các trường hợp phạm nhiều tội, tổng hợp những vướng mắc, khó khăn để đưa ra đường lối xử lý thống nhất, đúng pháp luật. Đặc biệt là thông qua thực tiễn hoạt động xét xử của hệ thống tòa án, TAND tối cao cần giải đáp kịp thời những vướng mắc của các Tòa án cấp dưới về đường lối xét xử tội phạm cụ thể hoặc việc vận dụng quy phạm pháp luật... Trong đó cần tập trung hướng dẫn, giải thích các vấn đề như: một số trường hợp phạm nhiều tội mang tính phổ biến khi mà các hành vi phạm tội có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, đều có tính nguy hiểm cho xã hội... trong những trường hợp nào cần thiết phải truy cứu TNHS, còn trường hợp nào chỉ cần xử lý hành chính; cụ thể như một số hành vi phạm tội tương đối phổ biến hiện nay như: hành vi làm giả các giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản; hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lưu hành tiền giả nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác; hành vi chống người thi hành công vụ mà gây thương tích với tỷ lệ thương tật; hành vi cướp tài sản và tước đoạt tính mạng của người bị hại... là cơ sở để các Tòa án cấp dưới nghiên cứu áp dụng trong các trường hợp cụ thể, có như vậy công tác áp dụng pháp luật mới thực sự hiệu quả, đảm bảo việc xử lý vụ án kịp thời, đúng người, đúng tội.

3.3.2. Nâng cao trình độ người áp dụng pháp luật

Để góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung cũng như trường hợp phạm nhiều tội nói riêng thì nhân tố con người là quan trọng nhất, nó quyết định đến chất lượng, hiệu quả của công tác này. Do đó, cần thiết phải nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ theo hướng chuyên môn hóa, đồng thời tăng cường công tác quản lý cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng trong đó có ngành Tòa án.

Trước hết cần thay đổi nhận thức của những người tiến hành tố tụng như Điều tra viên, kiểm sát viên và nhất là đội ngũ Thẩm phán. Chừng nào những người tiến hành tố tụng chưa nhận thức toàn diện về trường hợp phạm nhiều tội thì sẽ vẫn còn xảy ra tình trạng xử lý tội phạm không triệt để, bỏ lọt tội phạm hoặc oan sai. Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cần có kế hoạch thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ mang tính chất chuyên sâu cho đội ngũ những người tiến hành tố tụng, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động nghiệp vụ để kịp thời phát hiện xử lý sai phạm, tránh xảy ra tình trạng oan sai trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự.

Cùng với những hoạt động trên, tăng cường công tác quản lý cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng cũng là một giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động xử lý các trường hợp phạm nhiều tội trên thực tế. Cần tăng cường bồi dưỡng, bổ sung kiến thức chuyên môn, năng lực lãnh đạo của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các địa phương, đội ngũ này phải có quan điểm chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt. Các cơ quan tiến hành tố tụng phải thường xuyên rà soát, đánh giá phẩm chất, năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ công chức, đảm bảo luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Quan tâm xây dựng, thực hiện tốt chế độ, chính sách đãi ngộ phù hợp với lao động của đội ngũ cán bộ tư pháp, đặc biệt là những người có chức danh tư pháp. Cần đổi mới và xây dựng hệ thống chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ tư pháp (nhất là chính sách tiền lương, nhà ở và các chế độ, chính sách đặc thù) một cách nhất quán, công bằng, có lý có tình, nhằm thực sự khuyến khích những cán bộ

có tài, có đức, trân trọng những thành tích của họ phù hợp với điều kiện chung của đất nước, của từng ngành.

Bên cạnh đó, không ngừng nâng cao vai trò, trách nhiệm, tăng cường mối quan hệ phối hợp của các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan chức năng trong nhất là trong lĩnh vực phòng chống tội phạm. Trong thực tiễn tội phạm xảy ra rất đa dạng, phức tạp và ngày càng tinh vi, trong hoạt động áp dụng pháp luật rất cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, các ngành, các cấp nhằm đảm bảo quá trình giải quyết vụ án được nhanh chóng. Hiện nay, sự phối hợp trong hoạt động tố tụng hình sự giữa các cơ quan tiến hành tố tụng có trường hợp chưa kịp thời, hướng xử lý một số loại tội phạm chưa có quan điểm thống nhất. Vì vậy, giữa các cơ quan tiến hành tố tụng cần thiết lập cơ chế hợp tác, phối hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

3.3.3. Một số giải pháp khác

Một là, giải pháp về hoàn thiện hệ thống thu thập số liệu, thống kê theo dõi việc xử lý các vụ việc có liên quan đến trường hợp phạm nhiều tội.

Số liệu thông tin thống kê có ý nghĩa quan trọng giúp cho các cơ quan xây dựng pháp luật và chính sách cập nhật về các xu hướng và loại hình tội phạm, "cảnh báo" những hoạt động tố tụng trong đó có định tội danh và quyết định hình phạt. Trong mẫu thống kê tội phạm, việc xác định chính thức số tội phạm không phụ thuộc vào chủ thể tiến hành công tác thống kê hay phương tiện áp dụng cho công tác thống kê mà phụ thuộc vào những quy định có tính chất pháp lý đối với công tác thống kê tội phạm nhằm phản ánh tình hình tội phạm nói chung, đánh giá kết quả công tác của cơ quan tư pháp, tổng kết và ghi chép đầy đủ số tội phạm nói chung và tội phạm phạm tội nhiều lần nói riêng để từ đó có biện pháp, phương pháp xác định nhằm ngăn chặn và xử lý. Hiện nay, các cơ quan tiến hành tố tụng đã có hệ thống thống kê riêng nhưng tiêu chí thống kê giữa các cơ quan này lại không thống nhất, nằm rải rác trong những biểu mẫu thống kê hình sự, thậm chí có cả thống kê kết quả công tác. Mẫu Thống kê hình sự liên ngành được tiến hành theo chế độ thống kê quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-VKSTC-TATC-BCA-BQP ngày

01/07/2005 của VKSNDTC - TANDTC - Bộ công an - Bộ quốc phòng nhưng các mẫu này không phản ánh được tất cả số người phạm tội cùng số vụ, tội danh và số hành vi phạm tội mà người đó bị tuyên phạt. Như theo Mẫu thống kê án hình sự (mẫu 1A) của ngành Tòa án trong vụ án bị cáo phạm nhiều tội, khi thống kê theo mẫu thì chỉ tính bị cáo bị truy tố tội danh cao nhất, chứ không tính tội danh thứ hai và bị cáo thứ hai phạm tội gì và phạm bao nhiêu tội nên rất khó đánh giá hiệu quả hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động định tội danh, quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội nói riêng. Do vậy, chúng tôi kiến nghị các cơ quan tư pháp sớm xây dựng hệ thống thống kê tư pháp nói chung và đối với trường hợp phạm nhiều tội nói riêng theo những tiêu chí, biểu mẫu thống nhất để sử dụng chung trong các ngành trên phạm vi toàn quốc.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là khâu đầu tiên của quá trình thi hành pháp luật và có vai trò hết sức quan trọng trong việc tăng cường pháp chế XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Xuất phát từ vai trò, ý nghĩa quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác này. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới chỉ rõ cần: *“Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với nhiều hình thức phong phú, sinh động, đặc biệt là thông qua các phiên tòa xét xử lưu động và bằng những phán quyết công minh để tuyên truyền, nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ và nhân dân”*. Công tác này phải mang tính thường xuyên, liên tục, đòi hỏi phải có sự nỗ lực, phối hợp của tất cả các cấp, các ngành nhằm làm tăng tính hiệu lực, hiệu quả của các văn bản pháp luật và nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật cho nhân dân, từ đó tạo cho họ có ý thức tôn trọng pháp luật, chấp hành pháp luật. Do đó phương hướng nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động xét xử các vụ án hình sự nói riêng của ngành TAND phải phù hợp với định hướng mà Đảng ta đã đề ra, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động áp

dụng pháp luật, góp phần hạn chế, ngăn ngừa tội phạm nói chung, cũng như phạm nhiều tội nói riêng.

Kết luận chương 3

Trên thực tế những trường hợp phạm nhiều tội lại diễn ra ngày càng phổ biến với những tình tiết hết sức đa dạng, phức tạp, vì vậy hoạt động định tội danh trong những trường hợp này hiện nay còn gặp nhiều khó khăn. So với trường hợp phạm tội đơn lẻ thì phạm nhiều tội có tính nguy hiểm cao hơn rất nhiều, do đó khi xét xử phải đảm bảo tính có căn cứ pháp lý, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và mục đích trừng trị của hình phạt đối với chủ thể đã phạm nhiều tội.

Xuất phát từ yêu cầu cải cách tư pháp, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh, đáp ứng công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập trong hoạt động áp dụng pháp luật của cơ quan tư pháp cần phải có nhiều giải pháp đồng bộ. Trước hết, để làm căn cứ cho việc định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội vẫn cần nhất một hành lang pháp lý vững chắc để áp dụng pháp luật một cách có hiệu quả nhất. Phạm nhiều tội cần được quy định trong BLHS Việt Nam, đồng thời cần hoàn thiện theo hướng có những quy định cụ thể, đầy đủ về các trường hợp nhiều tội phạm và hạn chế bớt khả năng xảy ra trong thực tiễn áp dụng trường hợp phạm nhiều tội do một hành vi gây ra. Để bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật trong định tội danh đối với “phạm nhiều tội”, tác giả cho rằng nên tổng kết thực tiễn định tội danh đối với trường hợp phạm nhiều tội và đưa ra danh mục các trường hợp phổ biến của phạm nhiều tội. Các cơ quan có thẩm quyền cũng cần chú trọng trong việc ban hành những văn bản hướng dẫn, giải thích luật để thống nhất quan điểm trong việc áp dụng pháp luật. Bên cạnh đó cũng không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ theo hướng chuyên môn hóa, đồng thời tăng cường công tác quản lý cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng.

KẾT LUẬN

Có thể nói, nhiều tội phạm trong đó có trường hợp phạm nhiều tội đã trở thành một xu hướng chung của tình hình tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và trường hợp phạm nhiều tội nói riêng là vấn đề phức tạp, khó khăn, là yêu cầu, trách nhiệm của toàn thể xã hội, đặc biệt là đội ngũ người tiến hành tố tụng trong các cơ quan bảo vệ pháp luật. Nhiều tội phạm (trong đó có phạm nhiều tội) là một vấn đề phức tạp và còn nhiều tranh luận về mặt lý luận cũng như thực tiễn của áp dụng pháp luật hình sự. Việc nhận thức đúng đắn bản chất pháp lý và các quy định về định tội danh để đi đến quyết định hình phạt đúng đối với trường hợp phạm nhiều tội trong thực tiễn luôn là vấn đề rất cần thiết.

Khi lựa chọn và nghiên cứu đề tài *“Định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Đồng Nai”*, tác giả luận văn gặp một số khó khăn nhất định nhưng bước đầu luận văn đã cố gắng mang lại một cái nhìn tổng quan về trường hợp phạm nhiều tội theo pháp luật hình sự Việt Nam gắn với thực tiễn hoạt động áp dụng pháp luật tại tỉnh Đồng Nai. Trên cơ sở đó, luận văn cũng đề xuất một số giải pháp nhằm cụ thể hóa chế định này, nhằm tạo hành lang pháp lý cho công tác thực thi pháp luật. Từ những kết quả đạt được trong quá trình nghiên cứu có thể kết luận một số vấn đề như sau:

Phạm nhiều tội là trường hợp người có nhiều hành vi phạm tội hoặc chỉ có một hành vi phạm tội nhưng thỏa mãn nhiều cấu thành tội phạm khác nhau và bị đưa ra xét xử cùng một lần về các tội phạm đó. So với trường hợp phạm tội đơn lẻ thì phạm nhiều tội có tính nguy hiểm cao hơn rất nhiều, có thể xâm hại đến nhiều khách thể được luật hình sự bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, khi xét xử việc định tội danh và quyết định hình phạt phải đảm bảo tính có căn cứ pháp lý, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và mục đích trừng trị của hình phạt đối với chủ thể đã phạm nhiều tội.

BLHS năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đã ghi nhận tại Điều 50 quy định về nguyên tắc khi quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội và Điều 75 quy định về tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội. Vấn

đề này đã được đề cập tại Thông tư liên tịch của TANDTC, BLHS năm 1985, 1999, các văn bản hướng dẫn của TANDTC, các báo cáo tổng kết ngành hàng năm... Tuy nhiên, pháp luật hình sự đến nay vẫn chưa ghi nhận định nghĩa pháp lý của chế định này trong BLHS. Vì vậy, quá trình thực hiện định tội danh và quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội gặp khó khăn, lúng túng. Vấn đề chế định phạm nhiều tội cần được nghiên cứu một cách có hệ thống, đúng mức và cụ thể hơn trong thời gian sắp tới. Chế định đa (nhiều) tội phạm trong đó có phạm nhiều tội là một vấn đề phức tạp và còn nhiều tranh luận về mặt lý luận cũng như thực tiễn của luật hình sự. Mặc dù ở mỗi địa phương có những đặc điểm tình hình tội phạm khác nhau, đối với những vướng mắc chưa có hướng dẫn thì đường lối giải quyết tại mỗi địa phương khác nhau, mỗi ngành tổ tụng cũng có quan điểm khác nhau, nhưng trong cùng một hệ thống pháp luật không cho phép như vậy. Do đó, đặt ra vấn đề làm sao để có hướng dẫn, giải thích, áp dụng pháp luật đầy đủ, thống nhất đối với vướng mắc phát sinh từ quá trình thực tiễn áp dụng pháp luật. Chính những hạn chế nêu trên của BLHS hiện hành về trường hợp phạm nhiều tội gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ cơ bản của khoa học Luật Hình sự Việt Nam trong giai đoạn hiện nay để từ đó xây dựng BLHS nước ta ngày càng hoàn thiện hơn trong đó có chế định phạm nhiều tội.

Thực tiễn cho thấy việc giải quyết án hình sự nói chung và thuộc trường hợp phạm nhiều tội nói riêng trong những năm qua vẫn còn nhiều hạn chế. Hoạt động của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đôi khi chưa mang lại hiệu quả như mong muốn. Để hoạt động áp dụng pháp luật đạt được hiệu quả cao trong thực tiễn áp dụng đòi hỏi phải có sự phối kết hợp của nhiều cơ quan, nhiều cấp, nhiều ngành để tìm ra các giải pháp khắc phục những thiếu sót, hạn chế và đề ra nhiệm vụ, phương hướng thực hiện trong thời gian tới.

Trong giai đoạn hiện nay, trường hợp phạm nhiều tội xảy ra ngày càng phổ biến, trong khi đó BLHS hiện hành chưa quy định đầy đủ nội dung của chế định này. Vì vậy, để nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án phạm nhiều tội thì phải kịp

thời ban hành, sửa đổi, bổ sung văn bản pháp luật hình sự quy định về phạm nhiều tội. Cần kịp thời có văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp phạm nhiều tội một cách thống nhất. Không ngừng đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cũng như cải tiến phương pháp làm việc của cơ quan tiến hành tố tụng.

Trên cơ sở nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung về định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội, từ thực tiễn áp dụng pháp luật tại tỉnh Đồng Nai cho thấy cần phải thiết phải bổ sung khái niệm về phạm nhiều tội trong BLHS, kịp thời khắc phục những quy định của pháp luật chưa rõ ràng, còn bất cập. Việc hoàn thiện BLHS và các văn bản hướng dẫn, giải thích pháp luật; nâng cao trình độ năng lực và phẩm chất đạo đức của người tiến hành tố tụng sẽ là cơ sở rất quan trọng, là điều kiện cần thiết để giải quyết các trường hợp phạm nhiều tội, đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014*, Hà Nội.
2. Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp (2007), *Thông tư liên tịch số 17/TTLT ngày 24/12/2007 của hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của BLHS năm 1999*, Hà Nội.
3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao (2011), *Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT ngày 30/11/2011 hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS năm 1999 về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền*, Hà Nội.
4. Bộ Nội vụ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (1998), *Thông tư liên tịch 01/1998/TTLT ngày 02/01/1998 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1985*, Hà Nội.
5. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. Lê Cẩm và Trịnh Tiến Việt (2002), *Nhân thân người phạm tội – Một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 1).
7. Lê Trung Chánh (1943), *Đại Nam hành pháp*, Nhà in Xuân Thu, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Ban chấp hành Trung ương Đảng, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Ban chấp hành Trung ương Đảng, Hà Nội.
10. Lê Văn Độ (2004), *Chế định nhiều tội phạm những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Lê Văn Độ (2010), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

12. Lê Văn Đệ và Võ Khánh Vinh (1999), *Tổng hợp thực tế về phạm nhiều tội, một hình thức biểu hiện của phạm nhiều tội*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (số 12).
13. Nguyễn Ngọc Hòa (1991), *Tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
14. Nguyễn Ngọc Hòa (2001), *Trách nhiệm hình sự và hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
15. Nguyễn Ngọc Hòa (2003), *Các trường hợp phạm nhiều luật trong luật hình sự*, Tạp chí Luật học, (số 1).
16. Dương Tuyết Miên (2000), *Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 6).
17. Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
18. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
19. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tổ tụng hình sự*, Hà Nội.
20. Quốc Hội (2004), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
21. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội
22. Quốc Hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.
23. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.
24. Quốc Hội (2015), *Bộ luật Tổ tụng hình sự*, Hà Nội.
25. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (2012 - 2016), *Báo cáo tổng kết ngành Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai từ năm 2012 đến 2016*, Đồng Nai.
26. Toà án nhân dân tối cao (1989), *Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 19/4/1989 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định áp dụng một số quy định của BLHS năm 1985*, Hà Nội.
27. Toà án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/ 2003 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS năm 1999*, Hà Nội.
28. Tòa án nhân dân tối cao (2012), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2011 phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2012*, Hà Nội.
29. Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012 phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2013*, Hà Nội.

30. Toà án nhân dân tối cao (2016), *Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015*, Hà Nội.

31. Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ công an và Bộ tư pháp (2000) *Thông tư liên tịch số 02/2000/TTLT ngày 05/07/2000 của hướng dẫn thi hành Điều 7 BLHS năm 1999 và mục 2 Nghị quyết số 32/1999/QH10 ngày 21/12/1999 của Quốc hội*, Hà Nội.

32. Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ công an, Bộ tư pháp (2001), *Thông tư liên tịch 02/2001/TTLT ngày 25/12/2001 hướng dẫn áp dụng các quy định tại Chương XIV “Các tội xâm phạm sở hữu” của BLHS năm 1999*, Hà Nội.

33. Trường Cao đẳng Kiểm sát (1983), *“Phần chung” Hình luật xã hội chủ nghĩa*, Hà Nội.

34. Trường Đại học luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ luật học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

35. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Tập I, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

36. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2012), TS. Trần Thị Quang Vinh chủ biên, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Phần Chung*, Nxb Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, Hà Nội.

37. Trường Đại học quốc gia Hà Nội, khoa Luật (2001), *Phần chung -Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

38. Đào Trí Úc và các tác giả khác (1995), *Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc Gia, Hà Nội.

39. Viện khoa học pháp lý - Bộ tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb Bộ Tư pháp, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

40. Võ Khánh Vinh (2002), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Trung tâm đào tạo từ xa Đại học Huế, Hà Nội.

41. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.